

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TÀI LIỆU
HỘI NGHỊ SƠ KẾT 03 NĂM THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Lưu hành nội bộ)



Thừa Thiên Huế, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

1. BÁO CÁO SƠ KẾT GIỮA KỲ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025; GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2024-2025	3
2. BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025	34
3. ĐẶC ĐIỂM HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025	40
4. MẶT TRẬN TỔ QUỐC CÁC CẤP THỪA THIÊN HUẾ HUY ĐỘNG MỌI NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC “CHĂM LO NGƯỜI NGHÈO” VÀ CÔNG TÁC “VẬN ĐỘNG QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH.....	43
5. GIẢI PHÁP TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ GIÚP NHAU PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG	
6. CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIÚP NGƯỜI DÂN CÓ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN THU NHẬP VƯỢT LÊN THOÁT NGHÈO	50
7. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH CHO VAY HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ MỚI THOÁT NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025	55
8. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO THƯỜNG XUYÊN GÓP PHẦN ĐƯA HUYỆN A LƯỚI THOÁT KHỎI HUYỆN NGHÈO NĂM 2024	61
9. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CỦA ĐỊA PHƯƠNG GÓP PHẦN ĐƯA XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI.....	64
10. NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ PHONG TRÀO THI ĐUA “VÌ NGƯỜI NGHÈO-KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU” GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI ĐỊA PHƯƠNG.....	68

Thừa Thiên Huế, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2023; giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2024-2025

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND tỉnh về thực hiện công tác giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023 (sau đây viết tắt là Chương trình); giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2024-2025 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2023

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp và công tác điều phối, phối hợp trong quản lý, tổ chức thực hiện

1.1. Mô hình tổ chức hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp

- Cấp tỉnh: Tỉnh ủy đã ban hành Quyết định số 687-QĐ/TU ngày 12/4/2022 thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2021-2025 do đồng chí Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy là Trưởng ban, đồng chí Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh là Phó Trưởng ban và Bí thư các huyện, thị xã và thành phố Huế là thành viên. Căn cứ quyết định thành lập của Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo đã có thông báo phân công nhiệm vụ của các thành viên và Quyết định số 01-QĐ/BCĐ ngày 12/4/2022 thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh giai đoạn 2021-2025.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 kiện toàn Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế; Căn cứ quyết định thành lập của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia đã ban hành Quyết định số 35/QĐ-BCĐ ngày 16/3/2022 ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Cấp huyện: Đã thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững tỉnh, Ban Chỉ đạo và quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định để phân công nhiệm vụ cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị liên quan nhằm thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Việc thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững cấp tỉnh, huyện; Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia các cấp đã giúp cho UBND các cấp trong việc chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến quản lý và tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn; giúp UBND các cấp chỉ đạo xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và nhu cầu kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; đôn đốc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đối với các cấp, ngành, địa phương. Đồng thời, phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn của các thành viên trong Ban chỉ đạo. Qua đó, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành và phối hợp triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo.

1.2. Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, điều phối, phân công phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ của Chương trình

Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững thường xuyên tổ chức họp để tập trung chỉ đạo việc thực hiện công tác giảm nghèo. Định kỳ hàng tháng, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh tổ chức họp giao ban 02 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để triển khai, đôn đốc, giải quyết các vướng mắc thực hiện các chương trình.

Các Chủ chương trình, sở ban ngành ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện chương trình.

1.3. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng chương trình

Công tác phối hợp giữa các thành viên trong Ban Chỉ đạo tỉnh, giữa các ngành, các cấp với địa phương trong việc triển khai thực hiện Chương trình thời gian vừa qua được thực hiện tốt, trên cơ sở kế hoạch giai đoạn các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ các nội dung thuộc Chương trình, chính sách giảm nghèo chung của Trung ương và của tỉnh.

2. Khung khổ pháp luật quản lý, điều hành và văn bản hướng dẫn thực hiện chương trình

2.1. Kết quả ban hành văn bản quản lý, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Trung ương¹, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo cơ quan Thường trực các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan liên quan

¹ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy

khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn để thống nhất triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, cụ thể như:

a) Tỉnh ủy đã ban hành: (1) Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/10/2021 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; (2) Chỉ thị số 33-CT/TU ngày 21/10/2022 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025;

b) Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành: (1) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (2) Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (3) Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 quy định định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện A Lưới từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025; (4) Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (5) Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (6) Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025. Đồng thời ban hành các Nghị quyết về phê duyệt, điều chỉnh, phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, hàng năm;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: (1) Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (2) Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và quản lý đối với dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025; (3) Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 ban hành danh mục các loại dự án đầu tư xây dựng được áp dụng cơ chế đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (4) Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 ban hành quy định quản lý, vận hành và bảo trì công trình đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên

định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; các Thông tư hướng dẫn của các Bộ: Lao động - TBXH, Tài chính, Y tế, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT...

Huế; (5) Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 về ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật trong nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (6) Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (7) Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; (8) Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện một (01) dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ một (01) dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; (9) Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; (10) Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Đồng thời ban hành các Quyết định về điều chỉnh, giao, phân bổ vốn ngân sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2021-2025, hàng năm và các Kế hoạch² liên quan đến thực hiện Chương trình.

² (1) Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 13/6/2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh; (2) Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 21/7/2022 tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025; (3) Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (4) Kế hoạch số 371/KH-UBND ngày 17/10/2022 tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (5) Kế hoạch số 420/KH-UBND ngày 04/11/2022 tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (6) Kế hoạch số 440/KH-UBND ngày 24/11/2022 truyền thông về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (7) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 08/02/2023 thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; (8) Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh; (9) Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 16/3/2023 thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (10) Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 05/7/2023 giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (11) Kế hoạch số 275KH-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; (12) Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 17/8/2023 của UBND tỉnh về đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; (13) Kế hoạch số 285/KH-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; (14) Kế hoạch số 343/KH-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh hỗ trợ huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn vào

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan thường trực Chương trình) phối hợp với các ngành có liên quan, các cơ quan được giao chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện Chương trình.

2.2. Đánh giá kết quả ban hành các chính sách quản lý, điều hành thực hiện Chương trình

Hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình đã được ban hành đầy đủ, bảo đảm công tác triển khai tổ chức thực hiện Chương trình được thông suốt, hiệu quả, phù hợp với quy định của trung ương và điều kiện thực tế của địa phương.

3. Công tác truyền thông, thông tin về Chương trình

3.1. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân về Chương trình

a) Với mục tiêu đẩy mạnh công tác truyền thông về giảm nghèo bền vững góp phần đưa các chủ trương, chính sách, định hướng, nội dung về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 đi vào cuộc sống, tạo được sự thống nhất trong triển khai thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh góp phần chuyển đổi tư duy, nâng cao nhận thức và cải thiện năng lực cho cán bộ, đảng viên, người dân và cộng đồng trong giảm nghèo bền vững; phát huy được sức mạnh toàn dân, tinh thần đoàn kết và vai trò làm chủ của người dân trong giảm nghèo bền vững theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng”; huy động được sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo sự đồng thuận và đồng lòng, cùng chung sức vì mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh, ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 440/KH-UBND ngày 20/12/2022 truyền thông về Chương trình giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo theo Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách về giảm nghèo. Đã chỉ đạo xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông; tổ chức các sự kiện truyền thông, vận động xã hội, hội thảo, hội nghị; sản xuất các tác phẩm truyền hình, phát thanh, báo viết, báo điện tử về kinh nghiệm, sáng kiến, mô hình giảm nghèo hiệu quả và gương điển hình vươn lên thoát nghèo; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo định kỳ ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở để tăng cường giải thích về chính sách, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “trung thân tương ái” của dân tộc ta đối với người nghèo. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm trong lao động sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội cho người nghèo, hộ nghèo; xây dựng, phát triển mạng lưới cán bộ tuyên truyền viên, báo cáo viên

cuối năm 2023; (15) Kế hoạch số 350/KH-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025;

có năng lực, kỹ năng tuyên truyền tốt về giảm nghèo từ cấp tỉnh tới cơ sở. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền thông lĩnh vực giảm nghèo đối với đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên; người làm công tác giảm nghèo.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương đã tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, thu hút hàng ngàn lượt người tham gia, nội dung tập huấn tập trung tuyên truyền các vấn đề liên quan đến cơ chế quản lý điều hành, tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện Chương trình; tuyên truyền, giải đáp một số chương trình, chính sách giảm nghèo có liên quan.

b) Đổi mới phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã ký Chương trình³ phối hợp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện Chương trình gắn với Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”

Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các ban ngành, đoàn thể các cấp thông qua các cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"... đã trở thành một phong trào sâu rộng trong nhân dân, góp phần quan trọng vào công tác giảm nghèo; đây cũng là kênh tuyên truyền giảm nghèo thường xuyên và có hiệu quả trong nhân dân.

Trong năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành sơ kết Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021-2025. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định khen thưởng cho 10 tập thể, 09 cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Phong trào.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 08/3/2023 về việc Tổ chức thực hiện Đề án “Tuyên truyền gương điển hình tiên tiến giai đoạn 2022-2025”, theo đó chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì tham mưu việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu các nhân tố điển hình tiêu biểu trong phong trào thi đua yêu nước của tỉnh, góp phần cổ vũ, động viên các tập thể, cá nhân thi đua lao động, sản xuất hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 trong đó đã tuyên dương nhiều điển hình thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm trên các phương tiện truyền thông.

c) Các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch truyền thông, thực hiện Chương trình với các hình thức, phương thức phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, đặc điểm tập quán và khả năng ngân sách của địa phương như sản xuất các ấn phẩm truyền thông, tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp về công tác giảm nghèo, thực hiện Chương trình...

³ Chương trình số 1396/CTr-SLĐTBXH-MTTQ ngày 29/5/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh

4. Hoạt động theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình

Cùng với việc chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo, cơ quan Thường trực Chương trình, các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình. Qua đó đã kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những nội dung còn chưa phù hợp với quy định.

Các sở, ngành cấp tỉnh đã thực hiện các hoạt động kiểm tra và giám sát độc lập việc thực hiện các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá đã phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo tại các địa phương.

Hoạt động kiểm tra, giám sát tại các huyện, xã tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của Chương trình; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; giao chỉ tiêu giảm nghèo và chỉ tiêu tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của cấp huyện cho cấp xã và việc xây dựng kế hoạch giảm nghèo đến hộ của cấp xã, thôn.

Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện Chương trình được tổ chức định kỳ và thường xuyên theo đúng quy định, nhất là cơ sở, từ việc xét chọn đối tượng thụ hưởng đến việc tổ chức thực thi chính sách, hỗ trợ người dân tham gia các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình. Thông qua đó, đã hạn chế thấp nhất các tiêu cực có thể xảy ra, đồng thời kịp thời phát hiện những tồn tại hạn chế, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

II. CÔNG TÁC CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021-2023

1. Phân bổ, giao Kế hoạch vốn từ nguồn ngân sách giai đoạn 2021-2025

1.1. Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025

Giai đoạn 2021-2025, dự kiến nguồn vốn thực hiện Chương trình là 1.082.836 triệu đồng, trong đó:

STT	Nguồn vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 (triệu đồng)					
	Nội dung	Tổng vốn	Trong đó			
			Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
				Tổng	Tỉnh	Huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác
Tổng	1.093.726	1.018.956				

1	Đầu tư phát triển ⁴	567.227	492.457	74.770	44.748	30.022
2	Sự nghiệp	526.499	526.499			

1.2. Công tác giao kế hoạch, dự toán thực hiện

a) Năm 2021: Tổng kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương hỗ trợ là 4.462 triệu đồng (giao tại Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 08/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ). Nguồn kinh phí này được chuyển nguồn sang năm 2022 thực hiện. Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1521/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 về việc giao dự toán kinh phí thường xuyên do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021.

b) Năm 2022:

Thực hiện Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 80/NQ-ĐND ngày 07/9/2022 về phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, giao dự toán vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành các Quyết định giao vốn thực hiện Chương trình.

Tổng số vốn ngân sách Trung ương giao năm 2022 là 184.804 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 135.960 triệu đồng; vốn sự nghiệp 48.844 triệu đồng.

- UBND tỉnh đã phân bổ, giao 189.266 triệu đồng (vốn 2022: 184.804 triệu đồng; vốn 2021 thực hiện năm 2022: 4.462 triệu đồng) cho các sở, ngành, địa phương, đạt 100% kế hoạch vốn Trung ương giao.

* Năm 2023:

Thực hiện Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 08/NQ-ĐND ngày 20/02/2023 kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 04/01/2023 về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh ban hành các Quyết định giao vốn thực hiện Chương trình.

⁴ Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các CTMTQG tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng số vốn ngân sách Trung ương giao năm 2023 là 296.088 triệu đồng, trong đó: vốn đầu tư phát triển 154.709 triệu đồng; vốn sự nghiệp 141.379 triệu đồng.

- UBND tỉnh đã phân bổ, giao 299.470 triệu đồng (vốn trung ương: 296.088 triệu đồng; vốn địa phương: 18.382 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 3.382 triệu đồng; vốn sự nghiệp 15.000 triệu đồng)) cho các sở, ngành, địa phương, đạt 100% kế hoạch vốn Trung ương giao.

Kế hoạch vốn đầu tư phát triển đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình, ngày 27/01/2023 UBND tỉnh có Quyết định số 276/QĐ-UBND giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện 03 chương trình MTQG tỉnh Thừa Thiên Huế, theo đó Chương trình giảm nghèo được phân bổ 3.922 triệu đồng⁵.

2. Giải ngân nguồn vốn được giao năm 2021, 2022 và 2023:

2.1. Ngân sách trung ương

a) Năm 2022:

Giải ngân được 51.473,1 triệu đồng/189.266 triệu đồng; tỷ lệ 27,2%:

STT	Nội dung	Tổng (triệu đồng)	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
1	Được cấp	189.266	135.960	53.306,0 ⁶
2	Đã giải ngân	51.473,1	40.372	11.101,1
3	Tỷ lệ	27,2%	29,7%	20,8%
4	Số vốn còn lại chuyển sang năm 2023	137.792,9	95.588	42.204,1

b) Năm 2023:

Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 228.570,2 triệu đồng/449.120,9 triệu đồng, tỷ lệ 50,9%:

STT	Nội dung	Tổng (triệu đồng)	Vốn đầu tư phát triển	Vốn sự nghiệp
1	Vốn 2023, trong đó:	449.120,9	250.297	198.823,9
A	<i>Được cấp 2023</i>	<i>311.328,0</i>	<i>154.709</i>	<i>156.619⁷,0</i>
B	<i>Vốn 2022 kéo dài sang 2023</i>	<i>137.792,9</i>	<i>95.588</i>	<i>42.204,9</i>
2	Đã giải ngân	228.570,2	153.907,0	74.663,2
3	Tỷ lệ	50,9%	61,5%	37,6%

⁵ Ngày 08/5/2023, UBND tỉnh có Quyết định số 1014/QĐ-UBND điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 thực hiện các chương trình MTQG tỉnh Thừa Thiên Huế, theo đó Chương trình giảm nghèo được phân bổ 3.382 triệu đồng (giảm 540 triệu đồng);

⁶ Vốn năm 2022: 48.844 triệu đồng cộng với nguồn vốn 2021 cấp thực hiện trong năm 2022: 4.462 triệu đồng

⁷ Vốn cấp 2023 là 141.379 triệu đồng và đến cuối năm 2023 cấp thêm 15.240 triệu đồng hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn huyện A Lưới

Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024, giải ngân được 19.009,2 (vốn đầu tư phát triển 17.966 triệu đồng vốn cấp 2024; vốn sự nghiệp 1.043,2 triệu đồng⁸ từ nguồn vốn 2022-2023 kéo dài sang năm 2024)

2.2. Ngân sách địa phương

Năm 2023: Tính đến ngày 31/12/2023, đã giải ngân được 32.538 triệu đồng/51.942 triệu đồng, đạt 62,6%, trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển giải ngân được 3.002 triệu đồng/3.382 triệu đồng; tỷ lệ 88,8%;
- Vốn sự nghiệp giải ngân được 29.536 triệu đồng/48.559,9⁹ triệu đồng, đạt 60,8%;

Từ 01/01/2024 đến 31/3/2024, giải ngân được 4.109 triệu đồng vốn đầu tư phát triển cấp 2024.

Năm 2022, 2023 nguồn vốn giải ngân chưa đạt yêu cầu đề ra, nguyên nhân chủ yếu là các dự án như đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phát triển sản xuất do định mức hỗ trợ ban hành muộn và dự án hỗ trợ phát triển giáo dục nghề nghiệp chưa có quy định về định mức kinh tế kỹ thuật, định mức hỗ trợ.

3. Huy động, lồng ghép các nguồn lực thực hiện Chương trình

3.1. Kết quả huy động nguồn vốn tín dụng

Hỗ trợ cho vay tín dụng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2021-2023 doanh số cho vay đạt 1.813.071 triệu đồng, với 41.497 lượt hộ vay¹⁰.

Chương trình tín dụng ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội ngoài đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tiếp cận nguồn vốn còn có các chính sách vay vốn khác góp phần giải quyết việc làm, thực hiện các chính sách an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững.

3.2. Kết quả huy động nguồn vốn hợp pháp khác

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân hưởng ứng, tham gia các hoạt động chăm lo cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, qua đó khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp nhau phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp ở từng địa phương. Vận động người dân giúp nhau phát triển kinh tế, nêu cao tinh thần, trách nhiệm của mỗi người dân trong cộng đồng dân cư.

Hưởng ứng phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” và thực hiện công tác giảm nghèo bền vững, công tác vận động ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” hàng năm được triển khai có hiệu quả, thu hút nhiều doanh nghiệp, nhà hảo tâm và các tầng lớp Nhân dân trong và ngoài tỉnh tham gia. Tháng cao điểm “Vì người nghèo” được tổ chức với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả từ các địa phương đã tạo nên những hiệu ứng xã hội tích cực. Giai đoạn 2021-2023, Quỹ “Vì người

⁸ Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo 798,8 triệu đồng; Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững 2 triệu đồng; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo 120 triệu đồng; nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá 122,4 triệu đồng;

⁹ Trong 48.559,9 triệu đồng, có 22.620 triệu đồng ngân sách tỉnh, 11.040 triệu đồng huy động từ ngân hàng MB, VB; 14.899,9 nguồn đối ứng của người dân thực hiện các mô hình, dự án sinh kế

¹⁰Trong đó: Cho vay hộ nghèo 2.468 hộ, doanh số cho vay 106.726 triệu đồng; cho vay hộ cận nghèo 12.804 hộ, doanh số cho vay 584.663 triệu đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo 14.774 hộ, doanh số cho vay 729.096 triệu đồng.

nghèo" các cấp đã vận động đạt hơn 79.122 triệu đồng. Đã hỗ trợ xây mới, sửa chữa 964 nhà cho người nghèo trị giá hơn 19 tỷ đồng; hỗ trợ vốn sản xuất cho 503 lượt người với kinh phí hơn 1,8 tỷ đồng; hỗ trợ khám chữa bệnh, giúp học sinh nghèo học tập gần 2,8 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng các công trình dân sinh như (trường học, nhà cộng đồng...) hơn 800 triệu đồng; trợ giúp xã hội khó khăn đột xuất, thăm hỏi tặng quà cho hơn 26.000 lượt người với kinh phí hỗ trợ gần 11 tỷ đồng; các hỗ trợ khác gần 3 tỷ đồng nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh... trên địa bàn đã góp phần đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

3.3. Nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi: Tổng số vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2023 giao cho tỉnh là 370.568 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 213.982 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 156.586 triệu đồng); vốn ngân sách địa phương 3.984 triệu đồng vốn đầu tư phát triển; nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 77.550 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: Tổng số vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2023 giao cho tỉnh là 280.425 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 209.150 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 71.275 triệu đồng); vốn ngân sách địa phương 346.599 triệu đồng và nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 6.444.392 triệu đồng.

**** Đánh giá khả năng bố trí vốn đối ứng của địa phương; huy động và giải ngân nguồn vốn hợp pháp; việc xây dựng, ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện phân bổ, giải ngân nguồn vốn; cơ chế lồng ghép nguồn vốn với các chương trình mục tiêu quốc gia khác; khả năng giải ngân nguồn vốn, những thuận lợi, khó khăn trong tổ chức thực hiện:***

- Thực hiện Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình, hàng năm ngân sách địa phương đối ứng 15% nguồn vốn trung ương theo quy định.

- Việc phân bổ nguồn vốn đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các xã có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo và số hộ nghèo, hộ cận nghèo cao. Bảo đảm công khai, minh bạch, tạo quyền chủ động cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Chương trình. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản¹¹ quản lý, tổ chức thực hiện phân bổ, giải ngân nguồn vốn, cơ chế lồng ghép nguồn vốn với các chương trình mục tiêu quốc gia khác là cơ sở, căn cứ cho các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia khi triển khai trên cùng một

¹¹ Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 ban hành quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

địa bàn, trong cùng một dự án, hoạt động, nội dung đảm bảo hiệu quả, hiệu lực, không chồng chéo, kết hợp nhiều nguồn lực để thực hiện chương trình.

- Năm 2022, 2023 nguồn vốn giải ngân chưa đạt kế hoạch do nhiều nguyên nhân như nguồn vốn được phân bổ chậm, chưa có quy định về định mức kinh tế kỹ thuật, định mức hỗ trợ, một số văn bản hướng dẫn của trung ương còn chung chung, chưa cụ thể...

4. Quản lý và sử dụng nguồn lực

4.1. Nguồn ngân sách nhà nước

Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch tài chính 05 năm và được cân đối, bố trí trong kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách hàng năm theo từng nguồn vốn. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP), Thông tư 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

Nguồn vốn năm 2022 được giao muộn (quý III/2022), các văn bản hướng dẫn ban hành chưa kịp thời, đầy đủ, là năm đầu giai đoạn thực hiện nên còn lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện, tỷ lệ giải ngân thấp, số kinh phí phải chuyển nguồn sang năm 2023 lớn gây áp lực giải ngân trong năm 2023. Theo đó, việc thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội thực hiện Chương trình được thực hiện đúng quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản quy định hiện hành.

4.2. Nguồn vốn tín dụng

Hoạt động tín dụng chính sách đã góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đề ra về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển nguồn lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, kinh tế-xã hội của tỉnh.

4.3. Nguồn huy động khác

Các địa phương đã tích cực đẩy mạnh công tác xã hội hóa nguồn lực huy động cho công tác giảm nghèo, đẩy mạnh phong trào thi đua “Vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau”; các cuộc vận động, ủng hộ “Quỹ vì người nghèo”, Chương trình “Tết vì người nghèo”, Chương trình vận động hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ có khó khăn về nhà ở và huy động các nguồn lực khác để hỗ trợ sinh kế, hỗ trợ người dân vươn lên thoát nghèo... Ngoài ra, nguồn đối ứng của người dân khi tham gia các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, hỗ trợ nhà ở được thể hiện trong các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện, các dự án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thông qua đóng góp ngày công lao động hoặc hiến đất, công trình phụ khi có dự án đi ngang qua phân đất của người dân.

Việc sử dụng nguồn lực huy động đảm bảo đúng đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng yếu thế khác trong xã hội thông qua các hoạt động hỗ trợ sinh kế, xây dựng nhà ở, các hoạt động chăm lo đời sống cho các

nhóm đối tượng yếu thế trong xã hội nhằm động viên, tạo điều kiện cho họ vươn lên thoát nghèo bền vững, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng, xã hội.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN, NỘI DUNG THÀNH PHẦN THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2023

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về giảm nghèo

1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 02/4/2021 về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2021. Mục tiêu giảm nghèo năm 2021: **“Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt từ 0,4% trở lên”** (năm 2021, tiếp tục áp dụng chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020).

Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020, cuối năm 2021, toàn tỉnh còn 9.703 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 2,99%; hộ cận nghèo là 12.104 hộ, chiếm tỷ lệ 3,73%.

1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu giảm nghèo năm 2022 là từ 1,0-1,5%; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 13/6/2022 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, mục tiêu giảm nghèo năm 2022 là từ 0,8-1,0%.

a) Tỷ lệ hộ nghèo: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh, có 11.735 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 3,56%; giảm 1,37% so với năm 2021 (tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 là 4,93%, vượt chỉ tiêu đề ra.

b) Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2022 là 38,5%, giảm 11,7% so với năm 2021 (tỷ lệ 50,2%), vượt mục tiêu theo quy định là “Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm đề ra.

1.3. Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, mục tiêu giảm nghèo năm 2023 giảm còn 3,17%; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 28/02/2023 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023, mục tiêu giảm nghèo năm 2023 giảm còn 2,79%.

a) Tỷ lệ hộ nghèo: Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh, có 7.540 hộ nghèo chiếm tỷ lệ 2,27%; giảm 1,29% so với năm 2022 (tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 là 3,56%), vượt chỉ tiêu đề ra.

b) Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số năm 2023 là 24,1%, giảm 14,4%, so với năm 2022 (tỷ lệ 38,5%), vượt mục tiêu theo quy định là “Tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm trên 3,0%/năm đề ra;

c) Có 03¹² xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025 được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022, 2023.

Với kết quả giảm nghèo theo các năm 2021, 2022, 2023 cùng với các nguồn lực thực hiện, dự kiến đến cuối năm 2025, vượt chỉ tiêu giảm nghèo đề ra là tỷ lệ hộ nghèo còn lại 2,0-2,2%.

1.4. Kết quả xây dựng chính sách đặc thù của địa phương: Đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025.

2. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thành phần của Chương trình

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 là 552.535,9 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 294.051 triệu đồng; vốn sự nghiệp 258.484,9 triệu đồng), tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 312.581,6 triệu đồng, đạt 56,6%. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: đã giải ngân được 280.043,6 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 194.279 triệu đồng/290.669 triệu đồng, đạt 66,8%; vốn sự nghiệp 85.764,6 triệu đồng/209.925 triệu đồng, đạt 40,9%)/500.594 triệu đồng, đạt 55,9%;

- Ngân sách địa phương: đã giải ngân được 32.538 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 3.002 triệu đồng/3.382 triệu đồng, đạt 88,8%; vốn sự nghiệp 29.536 triệu đồng/48.559,9 triệu đồng, đạt 60,8%)/51.492 triệu đồng, đạt 62,6%;

Cụ thể:

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 là 271.832 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 252.043 triệu đồng; vốn sự nghiệp 19.789 triệu đồng), tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 203.962,8 triệu đồng, đạt 75%. Trong đó:

- Ngân sách trung ương: đã giải ngân được 200.960,8 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 189.468 triệu đồng/248.661 triệu đồng, đạt 76,2%; vốn sự nghiệp 11.492,8 triệu đồng/19.789 triệu đồng, đạt 58,1%)/268.450 triệu đồng, đạt 74,9%;

- Ngân sách địa phương: đã giải ngân được 3.002 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển)/3.382 triệu đồng, đạt 88,8%;

2.1.1. Tiểu dự án 1: *Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 141.401 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 135.115 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 6.286 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023,*

¹² (i) Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 25/7/2023 của UBND tỉnh công nhận xã Điền Hương, huyện Phong Điền đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022; (ii) Quyết định số 2912/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh công nhận xã Phú Diên, huyện Phú Vang đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023; Quyết định số 3205/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh công nhận xã Phong Chương, huyện Phong Điền đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022;

lũy kế giải ngân được 129.187,5 triệu đồng (123.232 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, đạt 91,2%; 5.955,5 triệu đồng vốn sự nghiệp, đạt 94,7%), đạt 91%;

- Năm 2023:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 51.710 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 45.056 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 6.654 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 38.277,3 triệu đồng (32.740 triệu đồng vốn đầu tư phát triển, đạt 72,7%; 5.537,3 triệu đồng vốn sự nghiệp, đạt 83,2%), đạt 73,7%;*

Nguồn ngân sách địa phương: phân bổ 3.382 triệu đồng vốn đầu tư phát triển. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 3.002 triệu đồng, đạt 88,8%;*

b) Kết quả thực hiện: (đầu tư xây dựng 31 công trình¹³ từ nguồn vốn đầu tư phát triển (17 công trình giao thông nông thôn và nội đồng, 08 công trình kênh mương thủy lợi, 03 công trình trường học, 01 công trình chợ, 01 công trình sân chơi, 01 công trình cầu) và duy tu bảo dưỡng 74 công trình thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi để phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện Phong Điền, Phú Lộc, Phú Vang và huyện A Lưới.

c) Đánh giá chung

- Thuận lợi: Việc ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình đầy đủ, kịp thời; các địa phương có nhiều kinh nghiệm triển khai thực hiện do việc hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội đã được thực hiện trong giai đoạn trước.

- Tồn tại, hạn chế: một số dự án đầu tư quy mô nhỏ, chưa đảm bảo nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; thời gian chuẩn bị đầu tư các dự án dài (khảo sát, thiết kế, thẩm định, phê duyệt, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, giải phóng mặt bằng,...; một số dự án đang triển khai nên chưa đánh giá kết quả thực hiện dự án.

- Đề xuất: Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện dự án; rà soát danh mục đầu tư đảm bảo không dàn trải, manh mún, tránh thất thoát, lãng phí, không hiệu quả.

2.2.2. Tiêu dự án 2: *Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.*

a) Kinh phí thực hiện

Năm 2023: Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 75.339 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển là 68.490 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 6.849 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023 đã giải ngân 33.496 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 33.496 triệu đồng; vốn sự nghiệp 0 triệu đồng)/75.339 triệu đồng, đạt 44,5%.*

b) Kết quả thực hiện: UBND tỉnh, UBND huyện A Lưới đã ban hành các Kế hoạch¹⁴ đưa huyện A Lưới thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn. Hiện đang

¹³ (i) Huyện Phong Điền 07 công trình (02 giao thông; 01 chợ; 04 thủy lợi); (ii) huyện Phú Lộc 10 công trình (06 giao thông; 01 cầu; 02 trường học; 01 vui chơi); (iii) huyện Phú Vang 11 công trình (07 giao thông; 03 thủy lợi; 01 trường học); huyện A Lưới 03 công trình (02 giao thông; 01 thủy lợi);

¹⁴(i) Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025; (ii) Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 03/8/2023 của UBND huyện A Lưới về thoát khỏi tình trạng nghèo năm 2023; (iii) Kế hoạch số

triển khai hỗ trợ đầu tư 02 công trình giao thông liên xã A Ngo-Son Thủy-Quảng Nhâm và thị trấn A Lưới-Quảng Nhâm trên địa bàn huyện A Lưới từ nguồn vốn đầu tư phát triển.

2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 17.067 triệu đồng vốn sự nghiệp (vốn thực hiện năm 2021 cấp trong năm 2022 là 4.462 triệu đồng; vốn 2022 là 12.605 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 5.736,4 triệu đồng/17.067 triệu đồng, đạt 33,6%;*

Nguồn đối ứng của người dân: *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 3.756 triệu đồng/6.629,7 triệu đồng, đạt 56,7%;*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 31.750 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 2.300,2 triệu đồng/31.750 triệu đồng, đạt 7,2%;*

b) Kết quả thực hiện: từ năm 2021 đến nay, các địa phương đã thẩm định, phê duyệt 67¹⁵ mô hình, dự án (27 mô hình nuôi bò; 24 mô hình nuôi gà; 11 mô hình nuôi lợn; 05 mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ) với 764 hộ tham gia (25 hộ làm kinh tế giỏi; 341 hộ nghèo; 306 hộ cận nghèo; 92 hộ mới thoát nghèo) với tổng kinh phí thực hiện 26.978,73 triệu đồng (ngân sách nhà nước 15.643,15 triệu đồng; đối ứng của người dân tham gia là 11.335,5 triệu đồng).

c) Đánh giá chung: Việc triển khai thực hiện dự án, mô hình đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo còn một số khó khăn, chậm được tháo gỡ, dẫn đến chậm hoặc chưa đủ cơ sở để phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện như: (i) chậm sửa đổi, bổ sung Nghị định về cơ chế, quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia¹⁶; (ii) chậm sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia¹⁷; (iii) Nhiều địa phương, đặc biệt là các huyện nghèo, huyện miền núi không có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đảm bảo điều kiện để liên kết, thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; (iv) Cấp ủy, chính quyền địa

343/KH-UBND ngày 13/10/2023 của UBND tỉnh hỗ trợ huyện A Lưới thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn vào cuối năm 2023;

¹⁵ Vốn năm 2021 có 18 mô hình: (i) Phú Vang 06 mô hình (02 mô hình nuôi bò; 04 mô hình nuôi gà); (ii) Phú Lộc 08 mô hình (06 mô hình nuôi gà; 02 mô hình nuôi lợn); (iii) Phong Điền 04 mô hình (02 mô hình nuôi bò; 02 mô hình nuôi gà);

Vốn năm 2022-2023 có 49 mô hình: (i) Hương trà 09 mô hình chăn nuôi bò; (ii) Hương Thủy 03 mô hình (02 mô hình chăn nuôi gà; 01 mô hình chăn nuôi lợn); (iii) Phong Điền 01 mô hình chăn nuôi bò; (iv) Quảng Điền 02 mô hình chăn nuôi gà; (v) Phú Vang 28 mô hình (07 mô hình chăn nuôi bò; 08 mô hình chăn nuôi gà; 08 mô hình chăn nuôi lợn; 05 mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ); (vi) Nam Đông 06 mô hình chăn nuôi bò.

¹⁶ Đến ngày 24/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc trong cơ chế quản lý, điều hành Chương trình.

¹⁷ Đến ngày 15/8/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp thuộc các Chương trình MTQG (bãi bỏ Thông tư số 15/2022/TT-BTC, Thông tư số 46/2022/TT-BTC và Thông tư số 53/2022/TT-BTC) tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc trong sử dụng, giải ngân, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

phương chưa tích cực chỉ đạo, rà soát nhu cầu của người dân; chưa nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật; còn tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm; chậm phối hợp, tham mưu, chưa tích cực triển khai thực hiện; (v) quy trình, thủ tục phê duyệt, triển khai mô hình/dự án phức tạp, nhiều bước thực hiện; (vi) chậm quy định định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện phát triển sản xuất¹⁸.

Đến nay, các vướng mắc, khó khăn về cơ chế, chính sách và hướng dẫn sử dụng, thanh quyết toán kinh phí cơ bản đã được tháo gỡ nên việc triển khai thực hiện các mô hình, dự án đa dạng hóa sinh kế sẽ đạt mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 là 27.744 triệu đồng (24.180 triệu đồng ngân sách trung ương; 3.564,3 triệu đồng đối ứng của người dân), lũy kế giải ngân được 6.237 triệu đồng, đạt 22,5%. Trong đó:

2.3.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 5.452 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 1.439,8 triệu đồng, đạt 26,4%;*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 14.004 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 1.383,4 triệu đồng, đạt 9,9%;*

b) Kết quả thực hiện: từ năm 2021 đến nay, các địa phương đã thẩm định, phê duyệt 33¹⁹ mô hình, dự án (15 mô hình nuôi bò; 06 mô hình nuôi gà; 06 mô hình nuôi lợn; 01 mô hình nuôi cá; 05 mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ) với 235 hộ tham gia (27 hộ làm kinh tế giỏi; 87 hộ nghèo; 78 hộ cận nghèo; 43 hộ mới thoát nghèo) với tổng kinh phí thực hiện 8.489,1 triệu đồng (ngân sách nhà nước 4.924,8 triệu đồng; đối ứng của người dân tham gia là 3.564,3 triệu đồng).

c) Đánh giá chung: Việc triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất còn một số khó khăn, chậm được tháo gỡ, dẫn đến chậm hoặc chưa đủ cơ sở để phê duyệt dự án, tổ chức thực hiện như: (i) chậm sửa đổi, bổ sung Nghị định về cơ chế, quản lý điều hành các Chương trình mục tiêu quốc gia; (ii) chậm sửa đổi, bổ sung Thông tư hướng dẫn sử dụng kinh phí sự nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; (iii) Nhiều địa phương, đặc biệt là các huyện nghèo, huyện miền núi không có doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đảm bảo điều kiện để liên kết, thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất; (iv) Cấp ủy, chính quyền địa phương chưa tích cực chỉ đạo, rà soát nhu cầu của người dân; chưa nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật; còn tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm; chậm phối hợp, tham mưu, chưa tích cực triển khai thực hiện; (v) quy trình, thủ tục phê duyệt, triển khai mô hình/dự án phức

¹⁸ Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

¹⁹ Vốn năm 2022-2023 có 33 mô hình: Hương trà 02 mô hình (01 mô hình chăn nuôi bò; 01 mô hình nuôi gà); Hương Thủy 10 mô hình chăn nuôi bò; 01 mô hình chăn nuôi lợn; Phú Vang 18 mô hình (01 mô hình chăn nuôi bò; 05 mô hình chăn nuôi gà; 06 mô hình chăn nuôi lợn; 05 mô hình hỗ trợ ngư lưới cụ; 01 mô hình nuôi cá); Nam Đông 03 mô hình chăn nuôi bò.

tập, nhiều bước thực hiện; (vi) chậm quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện phát triển sản xuất; (vii) sự phối hợp, huy động và lồng ghép các chương trình, dự án và nguồn lực chưa nhiều, chưa khai thác được nội lực để thực hiện có hiệu quả dự án tại địa phương.

2.3.2. Tiểu dự án 2: *Cải thiện dinh dưỡng*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022: ngân sách trung ương chưa phân bổ

- Năm 2023: ngân sách trung ương phân bổ 4.724 triệu đồng vốn sự nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2023 đã giải ngân được 3.413,8 triệu đồng, đạt 72,3%.

b) Kết quả thực hiện: Tổ chức các hoạt động hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 05 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; Cấp đa vi chất dinh dưỡng cho trẻ em suy dinh dưỡng và phụ nữ có con dưới 05 tuổi, phụ nữ mang thai. Đã, đang cấp phát 135.720 viên vi đa chất cho 754 phụ nữ mang thai từ khi phát hiện mang thai, sau sinh cho đến khi hết thuốc tại 25 xã nghèo; Bổ sung 5589 viên Vitamin A liều cao cho 5.428 trẻ em từ 6-35 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp tại 25 xã nghèo, cận nghèo, thoát nghèo; Bổ sung 1920 hộp Davinkids cho 320 trẻ em bị thấp còi từ 6-23 tháng tuổi tại huyện nghèo A Lưới. Tổ chức 04 lớp tập huấn về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi cho chuyên trách tuyến huyện, xã thuộc 25 xã nghèo; 09 lớp tập huấn về phòng chống suy dinh dưỡng thấp còi cho cộng tác viên dinh dưỡng thuộc 25 xã nghèo; xây dựng, in ấn tài liệu về dinh dưỡng cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo thuộc 25 xã nghèo. Tổ chức các hoạt động truyền thông theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Đánh giá chung: các địa phương đã tổ chức triển khai các hoạt động tư vấn dinh dưỡng, mua đa vi chất bổ sung cho trẻ em dưới 16 suy dinh dưỡng, sản phẩm điều trị suy dinh dưỡng theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Tuy nhiên, quá trình thực hiện gặp phải khó khăn trong công tác mua sắm đấu thầu sản phẩm dinh dưỡng.

2.4. Dự án 4: **Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 được trung ương phân bổ là 95.634 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 42.008 triệu đồng; vốn sự nghiệp 53.626 triệu đồng), tính đến ngày 31/12/2023 lũy kế giải ngân được 12.120,2 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 4.811 triệu đồng; vốn sự nghiệp 7.309,2 triệu đồng), đạt 12,7%. Trong đó:

2.4.1. Tiểu dự án 1: *Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022: ngân sách trung ương phân bổ 16.801 triệu đồng vốn sự nghiệp.

Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 4.337,6 triệu đồng, đạt 25,8%

- Năm 2023: ngân sách trung ương phân bổ 65.631 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 38.193 triệu đồng; vốn sự nghiệp 27.438 triệu đồng). Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 1.585,7 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 996 triệu đồng; vốn sự nghiệp 589,7 triệu đồng), đạt 2,4%

b) Kết quả thực hiện: Các Sở, ngành, địa phương đã, đang triển khai các nội dung hoạt động phù hợp với nội dung hỗ trợ của dự án như mua sắm²⁰ trang thiết bị, phương tiện đào tạo; tổ chức các hội nghị tư vấn, hướng nghiệp và hơn 35 lớp tập huấn, đào tạo nghề cho gần 700 người lao động tham dự....

c) Đánh giá chung: Việc thực hiện Tiểu dự án còn gặp một số khó khăn, vướng mắc, như: (i) Trung ương chưa quy định rõ tiêu chí xác định “người có thu nhập thấp”; (ii) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên mặc dù đã được phân bổ vốn nhưng chưa được bổ sung là đối tượng thực hiện của Chương trình (nên chưa giải ngân được kinh phí hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị)²¹; (iii) lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo ở khu vực thành thị và các huyện đồng bằng, ven biển chủ yếu là đối tượng bảo trợ xã hội, ít có khả năng lao động, ít có nhu cầu đăng ký học nghề nên rất khó tổ chức các lớp dạy nghề; (iv) Đơn giá dạy nghề do UBND tỉnh ban hành áp dụng hiện nay thấp hơn so với quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, khó đủ bù đắp chi phí dạy nghề; (v) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên, năng lực của các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện (đặc biệt là các huyện nghèo) không đáp ứng được nhu cầu dạy nghề; (vi) Một số địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giao kinh phí nhưng chậm triển khai thực hiện; (vii) Trường Cao đẳng giao thông Huế (nay là trường Cao đẳng Huế) chậm triển khai thực hiện nguồn kinh phí được hỗ trợ.

2.4.2. Tiểu dự án 2: *Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022: ngân sách trung ương phân bổ 398 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 101 triệu đồng, đạt 25,3%*

- Năm 2023: ngân sách trung ương phân bổ 1.300 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 418 triệu đồng, đạt 32,2%*

b) Kết quả thực hiện: Các địa phương đã tích cực tuyên truyền, tư vấn, vận động người lao động, có khoảng 1.800 người lao động và thân nhân người lao động được tư vấn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp huyện, xã, thôn/tổ về các nội dung hỗ trợ và các thông tin về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động. Giai đoạn 2022-2023, đã đưa được 3.415 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động, trong đó có lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người lao động sinh sống tại huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

c) Đánh giá chung: số lượng lao động đi làm việc ở nước ngoài năm sau tăng hơn so với năm trước. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện dự án cũng gặp phải một số khó khăn: (i) người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động thuộc đối tượng của Chương trình nhưng không cung cấp được hóa đơn, chứng

²⁰ Các địa phương (Huế, Hương Trà, Quảng Điền, Phú Lộc, Nam Đông) mua sắm trang thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại địa phương

²¹ Nội dung này đã được Tổng Cục Giáo dục nghề nghiệp trả lời tại Công văn số 1516/TCGDNN-KHTC ngày 31/7/2023.

từ tham gia đào tạo và các chi phí xuất cảnh để thanh toán theo quy định; (ii) công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân trong việc thu thập, lưu giữ những hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc thanh toán chi phí hỗ trợ chưa được quan tâm đúng mức.

2.4.3. Tiêu dự án 3: *Hỗ trợ việc làm bền vững*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022: ngân sách trung ương phân bổ 2.956 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 845 triệu đồng; vốn sự nghiệp 2.111 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 1.850,9 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 845 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.005,9 triệu đồng), đạt 62,6%.*

- Năm 2023: ngân sách trung ương phân bổ 8.548 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.970 triệu đồng; vốn sự nghiệp 5.578 triệu đồng). *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 3.827 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 2.970 triệu đồng; vốn sự nghiệp 857 triệu đồng), đạt 44,8%.*

b) Kết quả thực hiện: 100% người lao động (trong đó có hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo) có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm. Đã tổ chức 24 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm và các địa phương, đơn vị với hơn 6.000 lượt lao động tham gia, 62.696 vị trí việc làm, trong đó 609 lao động được tiếp nhận. Phối hợp tổ chức thành công Ngày Hội việc làm - Tư vấn tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp năm 2023 (hình thức trực tiếp và trực tuyến) trên địa bàn tỉnh có 45 đơn vị và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuyển sinh, tuyển dụng trên 22.762 chỉ tiêu; thông qua Ngày hội số người truy cập mạng, trực tiếp tiếp cận thông tin việc làm, định hướng nghề nghiệp hơn 9.200 người, kết quả tuyển sinh, tuyển dụng tại Ngày hội 226 người. UBND huyện A Lưới phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức Ngày hội việc làm gắn với giảm nghèo bền vững tại huyện A Lưới với hơn 800 lao động tham gia tư vấn, đăng ký học nghề, việc làm.

Các địa phương đã, đang triển khai thu thập thông tin thị trường lao động và sẽ phối hợp với công an thực hiện rà soát, đối sánh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin cho trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh.

c) Đánh giá chung: các văn bản hướng dẫn thực hiện đã được ban hành cơ bản đầy đủ; có sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện; các địa phương chưa thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định, chưa phản ánh hết các chỉ tiêu, nội dung hoạt động cần báo cáo dẫn đến khó khăn cho đơn vị chủ trì chương trình trong việc tổng hợp, đánh giá, định hướng chỉ đạo triển khai thực hiện.

2.5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo A Lưới

UBND tỉnh có Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế theo quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó có 2.184 hộ (2.069 hộ nghèo, 115 hộ cận nghèo) được hỗ trợ nhà ở, trong đó xây mới 1.623 nhà, sửa chữa 561 nhà với tổng kinh phí thực hiện là 114.210 triệu đồng (ngân sách trung ương 76.140 triệu đồng; ngân sách địa phương

38.070 triệu đồng). Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 về quy định định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện A Lưới từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2022-2025.

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022: chưa được cấp.

- Năm 2023:

Ngân sách trung ương phân bổ 32.080 triệu đồng vốn sự nghiệp để hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 920 nhà. Và hiện nay đã phân bổ thêm 15.240 triệu đồng để hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 437 hộ của năm 2022. *Tính đến ngày 31/12/2023 đã giải ngân được 44.268 triệu đồng/47.320 triệu đồng, đạt 93,6%;*

Ngân sách địa phương, huy động khác: 33.660 triệu đồng (22.620²² triệu đồng ngân sách địa phương; 11.040²³ triệu đồng huy động). *Tính đến ngày 31/12/2023 đã giải ngân được 25.780 triệu đồng, đạt 76,6%;*

b) Kết quả thực hiện:

- Năm 2022 có 437 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở (325 hộ xây mới; 122 hộ cải tạo, sửa chữa);

- Năm 2023 có 920 hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở (684 hộ xây mới; 236 hộ cải tạo, sửa chữa);

Hiện nay, có 1.138/1.357 nhà đã hoàn thiện xong.

2.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 là 4.895 triệu đồng, tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 3.315 triệu đồng, đạt 67,7%. Trong đó:

2.6.1. *Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 356 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 351,5 triệu đồng, đạt 98,7%*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 2.091 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 1.041,8 triệu đồng, đạt 49,8%*

b) Kết quả thực hiện

- Sở Thông tin và Truyền thông đã hợp đồng với Báo Dân sinh điện tử sản xuất 05 bài viết tuyên truyền về công tác giảm nghèo; hợp đồng với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh sản xuất 10 phóng sự truyền hình về công tác giảm nghèo; Hợp đồng với Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện A Lưới thực hiện sản xuất 10 phóng sự truyền thanh (tiếng Việt và tiếng dân tộc). Tổ chức 01 lớp tập huấn cho 350 Cán bộ làm công tác giảm nghèo, các tổ chức và cá nhân có liên quan trên địa bàn thị xã Hương Trà;

²² 15.000 triệu đồng hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 920 nhà của năm 2023; 7.620 triệu đồng hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 437 nhà của năm 2022;

²³ 1.040 triệu đồng của ngân hàng MB hòa chung vào nguồn vốn hỗ trợ nhà ở năm 2023; 10.000 triệu đồng từ nguồn của ngân hàng VC hỗ trợ xây mới, sửa chữa cho 200 nhà.

- Có 35 trường học, trạm y tế tại địa bàn các xã thuộc huyện A Lưới, Nam Đông đã được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 2.329 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn 21 xã nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ sử dụng dịch vụ băng rộng cố định; 5.180 hộ nghèo và cận nghèo tại địa bàn các xã trên toàn tỉnh được hỗ trợ sử dụng dịch vụ di động;

- Các địa phương đã tổ chức 06 lớp bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ cho hơn 900 cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông cơ sở; triển khai thiết lập, sửa chữa 08 cụm thông tin điện tử để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin trong thời gian đến; xây dựng 16 cụm pano tuyên truyền về công tác giảm nghèo.

2.6.2. *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 444 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 430,4 triệu đồng, đạt 96,9%*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 2.004 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 1.493,3 triệu đồng, đạt 74,5%*

b) Kết quả thực hiện: Các địa phương xây dựng các phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo; tổ chức 17 cuộc đối thoại chính sách về giảm nghèo với hơn 1.300 người tham gia. Qua đó, đã thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo nhằm khơi dậy tinh thần tự lực vươn lên thoát nghèo và huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đáp ứng nhu cầu thông tin thiết yếu của xã hội và nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

c) Đánh giá chung: Văn bản hướng dẫn thực hiện nội dung dự án đã được ban hành tương đối đầy đủ. Có sự phối hợp tốt giữa các cơ quan thực hiện dự án với các cơ quan báo, đài, công ty truyền thông để tuyên truyền, phản ánh tình hình hoạt động của các cấp, các ngành và người dân trong thực hiện chương trình; kết quả thực hiện chương trình; đánh giá khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; đánh giá mức độ giảm tỷ lệ hộ nghèo; việc phân cấp, phối hợp trong thực hiện công tác giảm nghèo. Bên cạnh kết quả đạt được, thì việc thực hiện dự án còn tồn tại một số hạn chế như phương thức, hình thức truyền thông chưa được đa dạng, phong phú, chưa gây ấn tượng và tạo hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong xã hội.

2.7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

Tổng kinh phí giai đoạn 2021-2023 là 11.298 triệu đồng, tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 5.106 triệu đồng, đạt 45,2%. Trong đó:

2.7.1. *Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 2.868 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 2.526,6 triệu đồng, đạt 88,1%*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 4.500 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 1.167,3 triệu đồng, đạt 25,9%*

b) Kết quả thực hiện

- Căn cứ nguồn vốn được phân bổ, các sở, ngành và địa phương đã, đang xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp;

- Các địa phương đã tổ chức hơn 50 lớp tập huấn nâng cao năng lực và giám sát đánh giá cho hơn 3.000 đại biểu tham dự (Thôn trưởng/Tổ trưởng; các hội, đoàn thể của thôn/tổ; đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo; cán bộ chính sách xã hội của cấp xã); tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo...;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xin phép xuất bản hơn 600 cuốn tài liệu các văn bản hiện hành về giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 để cấp phát cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp làm cẩm nang tra cứu, tham khảo; tổ chức học tập kinh nghiệm về công tác giảm nghèo tại tỉnh Khánh Hòa, Bình Định;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các địa phương tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn quy trình, công cụ, phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 cho hơn 4.000 lượt đại biểu là các thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo các cấp, lực lượng rà soát viên, lãnh đạo và cán bộ chính sách cấp xã. 19 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho hơn 1.800 đại biểu làm công tác giảm nghèo cấp huyện, cấp xã.

c) Đánh giá chung

2.7.2. *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

a) Kinh phí thực hiện

- Năm 2022:

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 1.523 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, lũy kế giải ngân được 624,8 triệu đồng, đạt 41,0%*

- Năm 2023

Nguồn ngân sách trung ương: phân bổ 2.407 triệu đồng vốn sự nghiệp. *Tính đến ngày 31/12/2023, giải ngân được 787,3 triệu đồng, đạt 32,7%*

b) Kết quả thực hiện

- Các sở, ban, ngành và địa phương đã xây dựng và tổ chức thực hiện việc kiểm tra giám sát, đánh giá theo quy định; kịp thời hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình giảm nghèo và các chính sách liên quan;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng đề cương và dự toán chi tiết xây dựng phần mềm Hệ thống rà soát và quản lý giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt; căn cứ Kế hoạch kiểm tra, giám sát của UBND tỉnh ban hành, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với

các sở, ngành liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm tại các huyện, thị xã và thành phố Huế và thực tế tại một số hộ dân;

- Các huyện, thị xã, thành phố Huế đã tổ chức nhiều cuộc giám sát tại cấp huyện, cấp xã (giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và việc triển khai thực hiện Chương trình);

c) Đánh giá chung

Qua công tác kiểm tra, giám sát đã kịp thời giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện; đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

2.8. Đánh giá chung kết quả thực hiện các dự án (mục tiêu, hiệu quả thực hiện dự án, đối tượng thụ hưởng, đánh giá hiệu quả của dự án)

- Các dự án thuộc Chương trình được triển khai lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý như: tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình, hoạt động đào tạo nghề, nâng cao năng lực quản lý, thông tin tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Việc triển khai các dự án đảm bảo đúng đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, trong đó ưu tiên những địa phương có số hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đặc biệt khó khăn, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo..., Nhằm đảm bảo mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia;

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về công tác giảm nghèo, khơi dậy tinh thần tự lực, tự vươn lên của người nghèo; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý; tuyên truyền gương điển hình, sáng kiến về giảm nghèo đềthúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội;

- Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo tại cơ sở nhằm hỗ trợ cho người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa và hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói, đảm bảo thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả và bền vững.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được trong thực hiện Chương trình

1.1. Những đóng góp của Chương trình vào thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Chương trình đã có những tác động tích cực đến đời sống và tình hình kinh tế, chính trị của các địa phương. Với những nguồn lực, chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua các năm, đời sống của người nghèo và người cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, góp phần đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

Chương trình được thực hiện công khai, minh bạch từ việc xác định đối tượng hỗ trợ (hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo...) đến việc phân bổ vốn và kiểm tra giám sát của các cơ quan trung ương, địa phương, cộng đồng, người dân, đặc biệt là sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp. Công tác huy động nguồn lực được các địa phương, các đoàn thể tích cực thực hiện, đã huy động được nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ cho công tác giảm nghèo. Qua đó, góp phần thực hiện tốt công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

1.2. Kết quả nổi bật trong thực hiện Chương trình

- Qua việc thực hiện chương trình, đã giúp cho các địa phương, đặc biệt là huyện nghèo A Lưới và 07 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi,.. tạo điều kiện liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế;

- Đã tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo được xây mới, sửa chữa nhà ở, có nơi cư trú ổn định, an toàn, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo;

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua từng năm;

- Đã tạo được công ăn việc làm cho người nghèo, giúp người nghèo có thêm thu nhập, cải thiện cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế: Bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn nhất định như:

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình tương đối lớn nên các địa phương gặp khó khăn trong công tác triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn đến các đối tượng thụ hưởng kịp thời, tỷ lệ giải ngân chưa đạt theo kế hoạch;

- Thiết kế của Chương trình, cơ chế, chính sách, hướng dẫn của cơ quan Trung ương, tỉnh chậm được ban hành hoặc ban hành nhưng chưa phù hợp phải sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Chương trình;

- Việc huy động nguồn lực tại chỗ để giảm nghèo ở địa phương còn khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của người nghèo, dẫn đến việc giúp người nghèo thoát nghèo nhưng tính bền vững chưa cao (khó khăn trong việc đối ứng của người nghèo, cận nghèo thực hiện các dự án giảm nghèo);

- Hộ nghèo chủ yếu tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi các điều kiện khó khăn, thiếu việc làm lại tập trung vùng này. Thu nhập của hộ nghèo hiện chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cuộc sống, không đủ tích lũy để đề phòng tai nạn, ốm đau, mất việc làm...; luôn tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo;

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Chương trình ở một số địa phương cấp huyện, xã chưa kịp thời, đồng bộ; cán bộ làm công tác giảm nghèo chuyên trách chưa được bố trí đủ 27 đáp ứng nhiệm vụ (chỉ kiêm nhiệm theo dõi công tác giảm nghèo); năng lực hạn chế (nhất là các xã thuộc vùng sâu, vùng xa) nên chưa đáp ứng yêu cầu, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, thực hiện chính sách giảm nghèo.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

Đây là giai đoạn đầu thực hiện chương trình, mặc dù đã nỗ lực, cố gắng trong triển khai thực hiện nhưng tiến độ thực hiện, giải ngân còn chậm. Nguyên nhân chủ yếu do:

- Một số văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình chậm ban hành, hoặc ban hành nhưng chưa đồng bộ dẫn tới các ngành, các địa phương lúng túng trong triển khai thực hiện;

- Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án, nhất là các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cần nhiều thời gian để cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

- Đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề của Chương trình, gồm: Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người lao động có thu nhập thấp. Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản nào quy định cách xác định “người lao động có thu nhập thấp”, trong khi đối tượng người nghèo, cận nghèo chủ yếu là người không có khả năng lao động, trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, do đó khó khăn trong việc tuyển sinh, mở các lớp đào tạo nghề;

- Nguồn lực của địa phương, của bản thân hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia đối ứng cùng với ngân sách hỗ trợ thấp hoặc chưa có;

- Đời sống của một số bộ phận người dân còn gặp nhiều khó khăn do trong hộ có đông khẩu, bệnh tật, người ngoài độ tuổi lao động... dẫn đến việc tạo việc làm, tăng thu nhập gặp khó khăn.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Một số ngành, đơn vị, địa phương chưa thật sự quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chủ trương, giải pháp giảm nghèo hoặc có nhưng thiếu tập trung và chưa thường xuyên. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa đa dạng, phong phú; sự phối hợp ở một số ngành, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện đôi lúc chưa được chặt chẽ;

- Vẫn còn một bộ phận người nghèo chưa chịu khó làm ăn, chi tiêu không hợp lý, thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo; tư tưởng trông chờ ỷ lại, không muốn ra khỏi danh sách hộ nghèo, để được hưởng các chính sách hỗ trợ của nhà nước, vẫn còn hiện tượng hộ nghèo vay vốn sử dụng chưa đúng mục đích, hiệu quả chưa cao;

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo còn thiếu, năng lực còn hạn chế, thường xuyên thay đổi nhất là ở cơ sở.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo bền vững: Xây dựng kế hoạch cụ thể, xác định rõ chủ thể thực hiện tuyên truyền ở từng cấp, nội dung tuyên truyền, hình thức, phương tiện tuyên truyền cùng với lịch trình thực hiện cụ thể nhằm tạo được chuyển biến trong nhận thức của một bộ phận người nghèo; tạo sự đồng thuận của xã hội trong công tác giảm nghèo.

2. Tập trung ban hành văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện các nội dung của chương trình để kịp thời, tháo gỡ các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Các văn bản thực hiện Chương trình cần bám sát vào tình hình thực tế của địa phương để phù hợp với nhu cầu của người nghèo.

3. Về lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, điều hành thực hiện, phối hợp thực hiện Chương trình

Tiếp tục thực hiện phân cấp và trao quyền ở cơ sở để đảm bảo thực hiện các chính sách, dự án hiệu quả, đồng thời tăng cường năng lực cũng như trách nhiệm của chính quyền các cấp ở cơ sở. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác giảm nghèo bền vững, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị nhất là nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chủ trì thực hiện dự án/tiểu dự án và cơ quan thường trực của Chương trình để việc triển khai đảm bảo đúng tiến độ, đạt hiệu quả. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong việc thực hiện chương trình và việc lồng ghép đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho các đối tượng thụ hưởng của chương trình.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện những sai sót, bất cập để có sự điều chỉnh kịp thời hoặc có các biện pháp xử lý, chỉnh đốn thực hiện nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ để phù hợp với thực tế; có cơ chế khuyến khích các tổ chức đoàn thể, hộ nghèo là người đồng bào dân tộc tham gia vào quá trình giám sát thực hiện chính sách. Tập trung thực hiện các dự án của chương trình, xác định rõ đối tượng tham gia các hoạt động nhân rộng mô hình, tập trung nguồn lực đầu tư. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và đảm bảo nguồn lực đến đúng đối tượng, đúng tiến độ, chống thất thoát, lãng phí.

5. Tiếp tục phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong việc giám sát trong thực hiện chương trình; sự vào cuộc của các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong việc nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người nghèo; thực hiện tốt phong trào thi đua “Vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2024-2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều, nâng cao chất lượng cuộc sống; hỗ trợ các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn.

1. Mục tiêu cụ thể

- a) Chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình
 - Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1,0-1,5%;
 - Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm hằng năm từ 3% trở lên; tỷ lệ hộ nghèo tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao trên 25% giảm từ 4% trở lên;
 - Phân đầu huyện A Lưới thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn trong năm 2024; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn vào cuối năm 2025;

- Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi;

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển;

- Phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững;

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- Chiều thiếu hụt về việc làm: 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; Hàng năm có khoảng 2.000 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Chiều thiếu hụt về y tế: 100% người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 16 tuổi xuống dưới 34%;

- Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:

+ Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi đạt 95%;

+ Tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 25%; 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp có nhu cầu được hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề phù hợp;

- Chiều thiếu hụt về nhà ở: Đảm bảo hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện A Lưới được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo A Lưới;

- Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; ít nhất 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh;

- Chiều thiếu hụt về thông tin: 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 100% các hộ gia đình sinh sống địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

II. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRONG THỜI GIAN ĐẾN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ tạo sinh kế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo thông qua Dự án, tiểu dự án (hạn chế cho không), kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tự nguyện đăng ký tham gia Dự án thông qua nhóm hộ, cộng đồng; hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn lồng ghép thực hiện các chính sách, nguồn vốn đối ứng của hộ gia đình, phù hợp với từng Dự án và điều kiện cụ thể của từng đối tượng được hỗ trợ nhằm nhân rộng Dự án cho nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được tham gia;

- Xây dựng chính sách khuyến khích thoát nghèo trên cơ sở làm tốt công tác điều tra xác định hộ nghèo, hộ thoát nghèo bền vững và công tác tuyên truyền vận động, thuyết phục để hộ nghèo tự nguyện đăng ký tham gia và tự lực, khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo; xây dựng cơ chế thực hiện mô hình thoát nghèo gắn kết với cộng đồng dân cư trên địa bàn; ưu tiên đầu tư cho các hộ đăng ký phấn đấu thoát nghèo để hoàn thành mục tiêu giảm nghèo;

- Sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, đầu tư có trọng điểm, không dàn trải, tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho người nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, nâng cao nhận thức, thay đổi cách làm ăn cùng với dạy nghề, truyền nghề, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài; tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả.

2. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, điều hành quản lý chương trình

Kịp thời, tập trung rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Chương trình để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của địa phương theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ), Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên cơ sở hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

3. Tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu Dự án, chính sách giảm nghèo thường xuyên, tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ giảm nghèo

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo, các dự án liên quan đến người nghèo, hộ nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo vốn sản xuất, nhà ở, hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm để người nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững; triển khai thực hiện các mô hình giảm nghèo bền vững tại các địa phương, hàng năm đánh giá nhân rộng mô hình giảm nghèo có hiệu quả;

- Tập trung, ưu tiên nguồn lực theo hướng ưu tiên các Chương trình, Dự án mang lại hiệu quả cao như tạo việc làm, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo,... lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách xã hội với hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao khoa học công nghệ;

- Quan tâm bố trí bổ sung nguồn vốn cho vay nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Kế hoạch. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang thông qua các dự án mô hình giảm nghèo và hỗ trợ phát triển sản xuất, đào tạo nghề, kết nối việc làm thành công;

- Quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương xây dựng kế hoạch, phê duyệt chi tiết từng hoạt động của các dự án, tiểu dự án triển khai thực hiện đúng quy định; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích; công khai, dân chủ; có hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành, trọng tâm là các dự án, tiểu dự án có tỷ lệ giải ngân thấp hoặc chưa giải ngân liên quan trực tiếp đến người nghèo, cận nghèo, người mới thoát nghèo như: Dự án 2-Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo; Tiểu dự án 1-Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của Dự án 3; Tiểu dự án 1-Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn của Dự án 4, hạn chế tối đa việc dự toán đã được giao nhưng không triển khai thực hiện được.

3. Chỉ đạo, điều hành, phối hợp tổ chức nâng cao hiệu quả thực hiện Chương trình

- Thực hiện cơ chế phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện Chương trình. Khuyến khích và mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và người dân trên địa bàn thông qua các Dự án, Tiểu Dự án thuộc Chương trình, nhất là các Dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Thúc đẩy tinh thần tự lực, tự cường của người dân và cộng đồng trong giảm nghèo; áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch; triển khai, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm tính công khai, minh bạch;

- Các cơ quan chủ chương trình, chủ trì các dự án, tiểu dự án nâng cao trách nhiệm, chủ động hướng dẫn các đơn vị, địa phương giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; kiện toàn, nâng cao năng lực bộ máy tham mưu, giúp việc.

4. Quán triệt, tuyên truyền nâng cao nhận thức về giảm nghèo đa chiều bền vững

- Đẩy mạnh, đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; phát huy mạnh mẽ truyền thống đoàn kết, tinh thần “tương thân, tương ái”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội;

- Đổi mới triển khai thực hiện Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng.

5. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo

Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các cơ quan chức năng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện các hoạt động giảm nghèo tại địa phương, kịp thời điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh những điểm bất hợp lý về chính sách, kế hoạch và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức thực hiện. Nâng cao vai trò của người dân, cộng đồng dân cư trong việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện Chương trình, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

7. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, huy động tối đa nguồn lực, kết hợp lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án, tạo tiền đề cho phát triển kinh tế của người nghèo, cận nghèo

Trên cơ sở kế hoạch thực hiện Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các địa phương cần bám sát các nội dung để thực hiện, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong huy động và sử dụng nguồn lực để tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong nhân dân, phát huy tốt vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong việc tham gia. Triển khai đồng bộ các giải pháp để kịp thời triển khai các dự án được ngân sách Trung ương hỗ trợ đảm bảo tiến độ, chất lượng, công khai, minh bạch, đúng với các quy định của pháp luật.

III. ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ

1. Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét phân bổ kinh phí thực hiện chương trình cả giai đoạn cho các địa phương để có thể chủ động trong việc xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình nhằm đạt được mục tiêu đề ra.

2. Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương kịp thời có văn bản hướng dẫn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc mà địa phương gặp phải để đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện chương trình đạt kết quả đề ra như:

- Ban hành văn bản quy định, hướng dẫn cách xác định “người lao động có thu nhập thấp” để địa phương có căn cứ triển khai thực hiện;

- Trình cấp có thẩm quyền xem xét tiếp tục hỗ trợ đầu tư đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển sau khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

(Các phụ lục đính kèm)

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

**BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN
CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
	TỔNG CỘNG	552.535,9	312.581,6	56,6			196.913	150.341,6	76,3	355.623	162.240,0	45,6	349.925	289.106	
	Vốn đầu tư phát triển	294.051	197.281,0	67,1			135.960	124.077,0	91,3	158.091	73.204,0	46,3	154.494	132.788	
	Vốn sự nghiệp	258.484,9	115.300,6	44,6			60.953	26.264,6	43,1	197.532	89.036	45,1	195.431	156.318	
	Trong đó:														
A	Nguồn trung ương	500.594	280.043,6	55,9			189.266	146.585,6	77,4	311.328	133.458,0	42,9	301.141	263.750	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	290.669	194.279,0	66,8			135.960	124.077,0	91,3	154.709	70.202,0	45,4	129.138	107.432	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	209.925	85.764,6	40,9			53.306	22.508,6	42,2	156.619	63.256	40,4	172.003	156.318	
B	Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	51.942	32.538,0	62,6			7.646,50	3.756	49,1	44.295,38	28.782	65,0	48.784	25.356	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	3.382	3.002,0	88,8			0	0	0	3.382	3.002,0	88,8	25.356	25.356	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	48.559,9	29.536,0	60,8			7.646,50	3.756,0	49,1	40.913,38	25.780	63,0	23.428	0	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	271.832	203.962,8	75,0			141.401	129.187,5	91,4	130.431	74.775,3	57,3	126.836	105.130	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	252.043	192.470,0	76,4			135.115	123.232,0	91,2	116.928	69.238,0	59,2	115.139	93.433	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	19.789	11.492,8	58,1			6.286	5.955,5	94,7	13.503	5.537,3	41,0	11.697	11.697	
	Trong đó:														
a	Nguồn trung ương	268.450	200.960,8	74,9			141.401	129.187,5	91,4	127.049	71.773,3	56,5	101.480	79.774	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	248.661	189.468,0	76,2			135.115	123.232,0	91,2	113.546	66.236,0	58,3	89.783	68.077	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	19.789	11.492,8	58,1			6.286	5.955,5	94,7	13.503	5.537,3	41,0	11.697	11.697	

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
b	Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	3.382	3.002,0	88,8			0	0,0	0	3.382	3.002,0	88,8			
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>3.382</i>	<i>3.002,0</i>	<i>88,8</i>			<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0</i>	<i>3.382</i>	<i>3.002,0</i>	<i>88,8</i>	<i>25.356</i>	<i>25.356</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0</i>			<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo</i>	<i>196.493</i>	<i>170.466,8</i>	<i>86,8</i>			<i>141.401</i>	<i>129.187,5</i>	<i>91,4</i>	<i>55.092</i>	<i>41.279,3</i>	<i>74,9</i>	<i>91.793</i>	<i>70.087</i>	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>183.553</i>	<i>158.974,0</i>	<i>86,6</i>			<i>135.115</i>	<i>123.232,0</i>	<i>91,2</i>	<i>48.438</i>	<i>35.742,0</i>	<i>73,8</i>	<i>83.031</i>	<i>61.325</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>12.940</i>	<i>11.492,8</i>	<i>88,8</i>			<i>6.286</i>	<i>5.955,5</i>	<i>94,7</i>	<i>6.654</i>	<i>5.537,3</i>	<i>83,2</i>	<i>8.762</i>	<i>8.762</i>	
	<i>Trong đó:</i>														
1.1	Nguồn trung ương	193.111	167.464,8	86,7			141.401	129.187,5	91,4	51.710	38.277,3	74,0	69.192	47.486	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>180.171</i>	<i>155.972,0</i>	<i>86,6</i>			<i>135.115</i>	<i>123.232,0</i>	<i>91,2</i>	<i>45.056</i>	<i>32.740,0</i>	<i>72,7</i>	<i>60.430</i>	<i>38.724</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>12.940</i>	<i>11.492,8</i>	<i>88,8</i>			<i>6.286</i>	<i>5.955,5</i>	<i>94,7</i>	<i>6.654</i>	<i>5.537,3</i>	<i>83,2</i>	<i>8.762</i>	<i>8.762</i>	
1.2	Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	3.382	3.002	88,8			0	0	0	3.382	3.002	88,8	22.601	22.601	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>3.382</i>	<i>3.002</i>	<i>88,8</i>			<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>3.382</i>	<i>3.002</i>	<i>88,8</i>	<i>22.601</i>	<i>22.601</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>			<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
a	Hoạt động 1: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các huyện nghèo	123.811	98.914,9	79,9			95.201	83.491,3	87,7	28.610	15.423,6	53,9	67.486	46.041	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>117.171</i>	<i>93.314,0</i>	<i>79,6</i>			<i>93.115</i>	<i>81.499</i>	<i>87,5</i>	<i>24.056</i>	<i>11.815</i>	<i>49,1</i>	<i>60.824</i>	<i>39.379</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>6.640</i>	<i>5.600,9</i>	<i>84,4</i>			<i>2.086</i>	<i>1.992,3</i>	<i>95,5</i>	<i>4.554</i>	<i>3.608,6</i>	<i>79,2</i>	<i>6.662</i>	<i>6.662</i>	
	<i>Trong đó:</i>														
	Nguồn trung ương	123.811	98.914,9	79,9			95.201	83.491,3	87,7	28.610	15.423,6	53,9	46.092	24.647	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>117.171</i>	<i>93.314,0</i>	<i>79,6</i>			<i>93.115</i>	<i>81.499</i>	<i>87,5</i>	<i>24.056</i>	<i>11.815</i>	<i>49,1</i>	<i>39.430</i>	<i>17.985</i>	

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	6.640	5.600,9	84,4			2.086	1.992,3	95,5	4.554	3.608,6	79,2	6.662	6.662	
	<i>Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	0	0				0	0		0	0		21.394	21.394	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>												21.394	21.394	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>														
b	<i>Hoạt động 2: Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã ĐBKK bãi ngang ven biển và hải đảo</i>	72.682	71.552	98,4			46.200	45.696	98,9	26.482	25.855,7	97,6	24.307	24.046	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	66.382	65.660	98,9			42.000	41.733	99,4	24.382	23.927	98,1	22.207	21.946	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	6.300	5.892	93,5			4.200	3.963,2	94,4	2.100	1.928,7	91,8	2.100	2.100	
	<i>Trong đó:</i>														
	<i>Nguồn trung ương</i>	69.300	68.549,9	98,9			46.200	45.696	98,9	23.100	22.853,7	98,9	23.100	22.839	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	63.000	62.658,0	99,5			42.000	41.733	99,4	21.000	20.925	99,6	21.000	20.739	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	6.300	5.891,9	93,5			4.200	3.963,2	94,4	2.100	1.928,7	91,8	2.100	2.100	
	<i>Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	3.382	3.002	88,8			0	0		3.382	3.002	88,8	1.207	1.207	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	3.382	3.002	88,8						3.382	3.002	88,8	1.207	1.207	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	0	0												
2	<i>Tiểu dự án 2: Triển khai đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt</i>	75.339	33.496,0	44,5			0	0		75.339	33.496,0	44,5	35.043	35.043	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	68.490	33.496,0	48,9				0		68.490	33.496,0	48,9	32.108	32.108	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	6.849	0,0	0,0				0		6.849	0,0	0,0	2.935	2.935	

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
	<i>Trong đó:</i>														
	- Nguồn trung ương	75.339	33.496,0	44,5			0	0		75.339	33.496,0	44,5	32.288	32.288	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	<i>68.490</i>	<i>33.496,0</i>	<i>48,9</i>						<i>68.490</i>	<i>33.496,0</i>	<i>48,9</i>	<i>29.353</i>	<i>29.353</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>6.849</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>						<i>6.849</i>		<i>0,0</i>	<i>2.935</i>	<i>2.935</i>	
	- Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	0	0				0	0		0	0		2.755	2.755	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>												<i>2.755</i>	<i>2.755</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>														
II	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	60.153	11.792,6	19,6			23.697	9.492,4	40,1	36.455,89	2.300,2	6,3	37.415	37.415	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	<i>48.817</i>	<i>8.036,6</i>	<i>16,5</i>			<i>17.067</i>	<i>5.736,4</i>	<i>33,6</i>	<i>31.750</i>	<i>2.300,2</i>	<i>7,2</i>	<i>37.415</i>	<i>37.415</i>	
	<i>Vốn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	<i>11.335,6</i>	<i>3.756,0</i>	<i>33,1</i>			<i>6.629,7</i>	<i>3.756,0</i>	<i>56,7</i>	<i>4.705,9</i>		<i>0,0</i>			
III	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	27.744	6.237,0	22,5			6.468,81	1.439,8	22,3	21.275,49	4.797,2	22,5	21.855	21.855	
	Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương	24.180	6.237,0	25,8			5.452	1.439,8	26,4	18.728	4.797,2	25,6	21.855	21.855	
	Vốn ngân sách địa phương, huy động khác	3.564,3	0,0	0,0			1.016,81	0,0	0,0	2.547,49	0,0	0,0	0	0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp</i>	<i>23.020</i>	<i>2.823,2</i>	<i>12,3</i>			<i>6.468,81</i>	<i>1.439,8</i>	<i>22,3</i>	<i>16.551,49</i>	<i>1.383,4</i>	<i>8,4</i>	<i>15.467</i>	<i>15.467</i>	
	<i>Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương</i>	<i>19.456</i>	<i>2.823,2</i>	<i>14,5</i>			<i>5.452</i>	<i>1.439,8</i>	<i>26,4</i>	<i>14.004</i>	<i>1.383,4</i>	<i>9,9</i>	<i>15.467</i>	<i>15.467</i>	
	<i>Vốn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	<i>3.564,3</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>			<i>1.016,81</i>		<i>0,0</i>	<i>2.547,49</i>		<i>0,0</i>			
2	<i>Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng</i>	<i>4.724</i>	<i>3.413,8</i>	<i>72,3</i>						<i>4.724</i>	<i>3.413,8</i>	<i>72,3</i>	<i>6.388</i>	<i>6.388</i>	
IV	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	95.634	12.120,2	12,7			20.155	6.289,5	31,2	75.479	5.830,7	7,7	75.511	59.826	
	Vốn đầu tư phát triển	42.008	4.811,0	11,5			845	845,0	100,0	41.163	3.966,0	9,6	39.355	39.355	

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
	Vốn sự nghiệp	53.626	7.309,2	13,6			19.310	5.444,5	28,2	34.316	1.864,7	5,4	36.156	20.471	
	Trong đó:														
a	Nguồn trung ương	95.634	12.120,2	12,7			20.155	6.289,5	31,2	75.479	5.830,7	7,7			
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	42.008	4.811,0	11,5			845	845,0	100,0	41.163	3.966,0	9,6	39.355	39.355	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	53.626	7.309,2	13,6			19.310	5.444,5	28,2	34.316	1.864,7	5,4	36.156	20.471	
b	Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	0	0,0				0	0,0		0	0,0		0	0	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	0	0,0				0	0,0		0	0,0		0	0	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	0	0,0				0	0,0		0	0,0		0	0	
1	<i>Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	82.432	5.923,3	7,2			16.801	4.337,6	25,8	65.631	1.585,7	2,4	61.473	45.788	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	38.193	996,0	2,6			0	0,0		38.193	996,0	2,6	33.416	33.416	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	44.239	4.927,3	11,1			16.801	4.337,6	25,8	27.438	589,7	2,1	28.057	12.372	
	<i>Trong đó:</i>														
a	Nguồn trung ương	82.432	5.923,3	7,2			16.801	4.337,6	25,8	65.631	1.585,7	2,4			
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	38.193	996,0	2,6						38.193	996,0	2,6	33.416	33.416	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	44.239	4.927,3	11,1			16.801	4.337,6	25,8	27.438	589,7	2,1	28.057	12.372	
b	Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác	0	0,0				0	0,0		0	0,0				
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>														
	<i>Vốn sự nghiệp</i>														
2	<i>Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</i>	1.698	519,0	30,6			398	101,0	25,4	1.300	418,0	32,2	1.298	1.298	
3	<i>Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững</i>	11.504	5.677,9	49,4			2.956	1.850,9	62,6	8.548	3.827,0	44,8	12.740	12.740	
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	3.815	3.815,0	100,0			845	845,0	100,0	2.970	2.970,0	100,0	5.939	5.939	

STT	Tên dự án	Tổng vốn giai đoạn 2021-2023			Tổng vốn năm 2021		Tổng vốn năm 2022			Tổng vốn năm 2023			Vốn 2024		
		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Số vốn giải ngân		Kế hoạch vốn	Đã phân bổ
			Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn	Tỷ lệ (%)		
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	7.689	1.862,9	24,2			2.111	1.005,9	47,7	5.578	857,0	15,4	6.801	6.801	
	<i>Trong đó:</i>														
a	<i>Nguồn trung ương</i>	11.504	5.677,9	49,4			2.956	1.850,9	62,6	8.548	3.827,0	44,8			
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>	3.815	3.815,0	100,0			845	845,0	100,0	2.970	2.970,0	100,0	5.939	5.939	
	<i>Vốn sự nghiệp</i>	7.689	1.862,9	24,2			2.111	1.005,9	47,7	5.578	857,0	15,4	6.801	6.801	
b	<i>Nguồn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	0	0,0				0	0		0	0				
	<i>Vốn đầu tư phát triển</i>														
	<i>Vốn sự nghiệp</i>														
V	<i>Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo</i>	80.980	70.048,0	86,5					100,0	80.980	70.048	86,5	70.283	46.855	
	<i>Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương</i>	47.320	44.268,0	93,6					100,0	47.320	44.268	93,6	46.855	46.855	
	<i>Vốn ngân sách địa phương, huy động khác</i>	33.660	25.780,0	76,6					100,0	33.660	25.780	76,6	23.428		
VI	<i>Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin</i>	4.895	3.315,0	67,7			800	781,0	97,6	4.095	2.534,0	61,9	8.976	8.976	
1	<i>Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	2.447	1.393,3	56,9			356	351,5	98,7	2.091	1.041,8	49,8	6.737	6.737	
2	<i>Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	2.448	1.921,7	78,5			444	429,5	96,7	2.004	1.492,2	74,5	2.239	2.239	
VII	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình</i>	11.298	5.106,0	45,2			4.391	3.151,4	71,8	6.907	1.954,6	28,3	9.049	9.049	
1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình</i>	7.368	3.693,9	50,1			2.868	2.526,6	88,1	4.500	1.167,3	25,9	5.652	5.652	
2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	3.930	1.412,1	35,9			1.523	624,8	41,0	2.407	787,3	32,7	3.397	3.397	

**ĐẶC ĐIỂM HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025**

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Khẩu nghèo	Tỷ lệ %	Hộ cận nghèo	Khẩu cận nghèo	Tỷ lệ %	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)	Hộ cận nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)
TĐT năm 2021		324.652	16.006	50.660	4,93	12.803	41.043	3,94	4.903	30,63	487	3,04	3.813	29,78	444	3,47
1	Thành phố Huế	128.446	2.083	6.210	1,62	2.766	10.028	2,15	829	39,80	12	0,58	671	24,26	17	0,61
2	Thị xã Hương Trà	17.887	638	1.596	3,57	606	1.932	3,39	324	50,78	2	0,31	182	30,03	7	1,16
3	Thị xã Hương Thủy	25.485	481	1.181	1,89	696	1.891	2,73	233	48,44	1	0,21	279	40,09	2	0,29
4	Huyện Phong Điền	29.786	1.132	2.446	3,80	1.163	3.285	3,90	699	61,75	17	1,50	471	40,50	38	3,27
5	Huyện Quảng Điền	26.228	1.005	1.783	3,83	1.553	3.937	5,92	719	71,54	8	0,80	738	47,52	12	0,77
6	Huyện Phú Vang	35.538	1.513	3.785	4,26	1.980	6.451	5,57	825	54,53	3	0,20	633	31,97	9	0,45
7	Huyện Phú Lộc	40.121	1.519	3.362	3,79	1.619	4.620	4,04	907	59,71	6	0,39	633	39,10	13	0,80
8	Huyện Nam Đông	7.110	613	2.346	8,62	235	911	3,31	65	10,60	43	7,01	32	13,62	15	6,38
9	Huyện A Lưới	14.051	7.022	27.951	49,98	2.185	7.988	15,55	302	4,30	395	5,63	174	7,96	331	15,15
Rà soát năm 2022		329.177	11.735	36.708	3,56	10.854	33.579	3,30	3.949	33,65	383	3,26	3.619	33,34	280	2,58
1	Thành phố Huế	130.307	1.392	4.033	1,07	2.394	8.070	1,84	616	44,25	3	0,22	707	29,53	1	0,04
2	Thị xã Hương Trà	18.182	401	918	2,21	471	1.465	2,59	235	58,60	8	2,00	154	32,70	4	0,85
3	Thị xã Hương Thủy	25.808	314	752	1,22	559	1.474	2,17	176	56,05	-	0,00	247	44,19	1	0,18

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Khẩu nghèo	Tỷ lệ %	Hộ cận nghèo	Khẩu cận nghèo	Tỷ lệ %	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)	Hộ cận nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)
4	Huyện Phong Điền	30.051	860	1.768	2,86	1.121	2.949	3,73	597	69,42	7	0,81	543	48,44	31	2,77
5	Huyện Quảng Điền	26.259	686	1.099	2,61	1.098	2.480	4,18	550	80,17	11	1,60	601	54,74	8	0,73
6	Huyện Phú Vang	35.765	1.164	2.614	3,25	1.752	5.471	4,90	726	62,37	1	0,09	625	35,67	7	0,40
7	Huyện Phú Lộc	41.499	1.139	2.382	2,74	1.204	3.327	2,90	752	66,02	-	0,00	514	42,69	2	0,17
8	Huyện Nam Đông	7.173	380	1.432	5,30	177	621	2,47	57	15,00	38	10,00	36	20,34	14	7,91
9	Huyện A Lưới	14.133	5.399	21.710	38,20	2.078	7.722	14,70	240	4,45	315	5,83	192	9,24	212	10,20
Rà soát năm 2023		332.847	7.540	23.127	2,27	9.002	27.868	2,70	2.870	38,06	288	3,82	2.984	33,15	222	2,47
1	Thành phố Huế	133.104	859	2.277	0,65	2.003	6.383	1,50	459	53,43	1	0,12	660	32,95	1	0,05
2	Thị xã Hương Trà	18.502	277	564	1,50	370	1.173	2,00	183	66,06	0	0,00	125	33,78	2	0,54
3	Thị xã Hương Thủy	25.925	166	354	0,64	413	1.078	1,59	115	69,28	0	0,00	208	50,36	0	0,00
4	Huyện Phong Điền	30.003	615	1.220	2,05	996	2.471	3,32	462	75,12	2	0,33	530	53,21	23	2,31
5	Huyện Quảng Điền	26.154	445	662	1,70	754	1.560	2,88	378	84,94	0	0,00	449	59,55	0	0,00
6	Huyện Phú Vang	35.797	811	1.675	2,27	1.378	4.059	3,85	568	70,04	1	0,12	545	39,55	0	0,00
7	Huyện Phú Lộc	41.761	692	1.464	1,66	738	2.076	1,77	474	68,50	0	0,00	317	42,95	0	0,00

TT	Đơn vị	Tổng số hộ dân	Hộ nghèo	Khẩu nghèo	Tỷ lệ %	Hộ cận nghèo	Khẩu cận nghèo	Tỷ lệ %	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ nghèo)	Hộ cận nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)	Hộ cận nghèo có thành viên là NCC với CM	Tỷ lệ (so với hộ cận nghèo)
8	Huyện Nam Đông	7.258	190	661	2,62	115	382	1,58	59	31,05	23	12,11	30	26,09	12	10,43
9	Huyện A Lưới	14.343	3.485	14.250	24,30	2.235	8.686	15,58	172	4,94	261	7,49	120	5,37	184	8,23

**MẶT TRẬN TỔ QUỐC CÁC CẤP THỪA THIÊN HUẾ HUY ĐỘNG
MỌI NGUỒN LỰC THỰC HIỆN TỐT CÔNG TÁC
“CHĂM LO NGƯỜI NGHÈO” VÀ CÔNG TÁC “VẬN ĐỘNG QUỸ VÌ
NGƯỜI NGHÈO” TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

Công tác chăm lo cho người nghèo, đảm bảo an sinh xã hội luôn được các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tầng lớp nhân dân Thừa Thiên Huế quan tâm thực hiện. Bằng nhiều cách làm hay, sáng tạo, thiết thực, Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh đã phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động mọi nguồn lực thực hiện tốt công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần tích cực thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, phong trào *“Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”*; với mục tiêu huy động đạt kết quả cao nhất nguồn Quỹ *“Vì người nghèo”* để giúp cho người nghèo, hộ nghèo xây nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ sản xuất, phát triển kinh tế... thực hiện chương trình an sinh xã hội, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Ban vận động Quỹ *“Vì người nghèo”* tỉnh đã tổ chức phát động Tháng cao điểm *“Vì người nghèo”* (17/10-18/11) hằng năm, kêu gọi vận động các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, sĩ quan, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, các nhà hảo tâm tích cực hưởng ứng, đóng góp vào Quỹ *“Vì người nghèo”* các cấp trong tỉnh.

MTTQ Việt Nam các cấp luôn phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện nhiều hoạt động giúp đỡ hộ nghèo, các đối tượng yếu thế trong xã hội vươn lên trong cuộc sống như: Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”* gắn với phong trào *“Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”*; vận động xây dựng quỹ vì người nghèo, quỹ cứu trợ và thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện khác nhằm hỗ trợ, giúp đỡ, chăm lo cho người nghèo, gia đình chính sách, các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Từ năm 2021 đến nay, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp với nhiều hoạt động phong phú, thiết thực đã vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tích cực tham gia ủng hộ vào Quỹ *“Vì người nghèo”*, qua đó tập trung được nguồn lực để hỗ trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm cho người nghèo, giúp học sinh nghèo học tập, người nghèo khám chữa bệnh, hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại do thiên tai... với tổng số tiền 38,427 tỷ đồng, trong đó đã hỗ trợ xây dựng 25 công trình dân sinh trị giá 805 triệu đồng; hỗ trợ sửa chữa, xây dựng 960 ngôi nhà cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 19,228 tỷ đồng; hỗ trợ vốn sản xuất cho 503 hộ nghèo với số tiền 1,888 tỷ đồng; tặng 4.457 phần quà cho học sinh nghèo trị giá 1,561 tỷ đồng; hỗ trợ khám chữa bệnh cho 2.494 người nghèo trị giá 1,134 tỷ đồng; trợ giúp khó khăn đột xuất, thăm hỏi, tặng quà Tết cho 26.789 hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trị giá 10,809 tỷ đồng;

các hình thức giúp đỡ khác quy ra tiền: 2,962 tỷ đồng... Ngoài ra, đã vận động 771,2 triệu đồng hỗ trợ làm nhà cho hộ nghèo tỉnh Điện Biên theo Kế hoạch số 715/KH-MTTW-BTT, ngày 25/4/2023 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam về việc Tổ chức Lễ phát động ủng hộ làm nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo của tỉnh Điện Biên hướng tới kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024).

Bên cạnh đó, công tác vận động, tiếp nhận, phân phối sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, sự cố; hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo đã được Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp trong tỉnh triển khai kịp thời, hiệu quả; phối hợp với chính quyền, các ban, ngành địa phương thực hiện các biện pháp cứu trợ, ứng phó và khắc phục hậu quả; giúp đỡ người dân vượt qua khó khăn, từng bước khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống ngay sau thời điểm xảy ra bão, lụt. Từ nguồn quỹ vận động được, từ năm 2021 đến 2023, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam - Ban Vận động cứu trợ tỉnh đã chi cho công tác cứu trợ số tiền 25,948 tỷ đồng.

Trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 vừa qua, nhằm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, các hộ là đoàn viên, hội viên nghèo, công nhân viên chức, người lao động làm việc ở những khu vực còn nhiều khó khăn; Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên đã hỗ trợ hơn 188.575 suất quà (bao gồm tiền và quà) với tổng trị giá 67,268 tỷ đồng cho các đối tượng, tạo không khí ấm áp, phấn khởi, góp phần mang đến một cái Tết ấm no, hạnh phúc cho bà con nghèo trên địa bàn toàn tỉnh.

Nhìn chung, trong những năm qua, các hoạt động vì người nghèo, an sinh xã hội tiếp tục được Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên triển khai sâu rộng, đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của các cấp, các ngành và toàn xã hội. Chính quyền địa phương cùng cơ quan chức năng đã tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Qua đó, đã huy động sự vào cuộc của xã hội trong vận động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Kịp thời giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế.

Ngoài giúp đỡ hộ nghèo xóa nhà tạm bợ, dột nát thông qua Quỹ “*Vì người nghèo*” các cấp trong tỉnh; các hoạt động nhân đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa được triển khai đồng bộ, rộng khắp trên địa bàn tỉnh, thu hút được sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh. Cùng với công tác tuyên truyền vận động, tiếp nhận, phân bổ Quỹ “*Vì người nghèo*” và các chương trình an sinh xã hội, công tác khen thưởng, biểu dương những tập thể, cá nhân đã tích cực hưởng ứng, tham gia ủng hộ Quỹ “*Vì người nghèo*” và các chương trình an sinh xã hội trong tỉnh được chú trọng. Đặc biệt, tại Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở thôn, tổ dân phố được tổ chức vào ngày truyền thống của MTTQ Việt Nam 18/11 hằng năm, Ủy ban MTTQ các cấp trong tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức tặng quà biểu dương các hộ gia đình tiêu biểu trong thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” đồng

thời tặng những suất học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó, đã có nhiều nỗ lực phấn đấu trong học tập.

Với những kết quả đạt được trong công tác tuyên truyền, vận động, tiếp nhận ủng hộ và phân bổ Quỹ “*Vì người nghèo*”, các chương trình an sinh xã hội do MTTQ các cấp trong tỉnh chủ trì đã góp phần quan trọng và hiệu quả vào việc triển khai chương trình mục tiêu giảm nghèo cũng như thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chăm lo cho người nghèo cũng như việc huy động các nguồn lực đóng góp vào Quỹ “*Vì người nghèo*” vẫn còn một số hạn chế như: Công tác tuyên truyền vận động, chung tay chăm lo cho người nghèo và ủng hộ Quỹ “*Vì người nghèo*” ở một số địa phương thực hiện chưa thường xuyên, tập trung chủ yếu vào các đợt cao điểm, hình thức triển khai vận động chưa phong phú, do đó hạn chế đến kết quả vận động.

Vẫn còn một bộ phận người nghèo chưa nhận thức đầy đủ, chưa có ý thức vượt khó vươn lên thoát nghèo, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và sự chăm lo của cộng đồng, muốn được công nhận hộ nghèo để thụ hưởng các chính sách ưu đãi.

Trong việc đóng góp Quỹ “*Vì người nghèo*”, một số cơ quan, đơn vị triển khai chậm, một số ít không đóng góp, hoặc mức đóng góp vào quỹ không tương xứng mức huy động ngày lương của cán bộ, công nhân viên. Kết quả vận động trong doanh nghiệp và trong nhân dân ở khu dân cư còn hạn chế.

Để phát huy hơn nữa những kết quả đạt được, trong thời gian tới, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân về công tác giảm nghèo bền vững. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 3/11/2021 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống MTTQ các cấp trong thực hiện công tác giảm nghèo bền vững ở địa phương. Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường thời lượng tuyên truyền về công tác vận động ủng hộ Quỹ “*Vì người nghèo*”, xây dựng các chuyên trang, chuyên mục về mục tiêu giảm nghèo bền vững; thường xuyên có các bài viết biểu dương những tập thể, cá nhân tiêu biểu đã hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, cộng đồng nghèo cũng như các hộ nghèo tiêu biểu vươn lên thoát nghèo, các mô hình, cách làm hiệu quả trong giảm nghèo bền vững.

Tập trung huy động các nguồn lực để triển khai có hiệu quả việc xóa nhà tạm, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh; đôn đốc tiến độ xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các địa phương, công trình chào mừng Đại hội MTTQ Việt Nam các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc MTTQ Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2024-2029. Tiếp tục vận động Nhân dân nỗ lực thi đua thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm phát huy tinh thần tương thân tương ái, đồng hành cùng Mặt trận trong việc tham gia đóng góp Quỹ “*Vì người nghèo*”, Quỹ cứu trợ, tổ chức các hoạt động chăm lo, hỗ trợ sinh kế cho người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng

yếu thế trong xã hội nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững của tỉnh, chung tay xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

GIẢI PHÁP TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG PHỤ NỮ GIÚP NHAU PHÁT TRIỂN KINH TẾ GIA ĐÌNH, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Hội LHPN tỉnh Thừa Thiên Huế

Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị, thay mặt Hội LHPN Tỉnh, báo cáo tham luận ***“Giải pháp tuyên truyền, vận động phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo bền vững”***

Hưởng ứng phong trào thi đua ***“Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”*** của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2021-2026) về phát huy nội lực, thực hiện có hiệu quả phong trào ***“Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững”***. Hằng năm, trên cơ sở định hướng của Trung ương Hội LHPN Việt Nam và Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội LHPN tỉnh đã chỉ đạo Hội LHPN các cấp chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể ở địa phương triển khai các hoạt động với nhiều hình thức, giải pháp sáng tạo, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giúp chị em vươn lên thoát nghèo, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh từng bước đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần vào công tác giảm nghèo chung của tỉnh.

Tuyên truyền, vận động phụ nữ chuyển đổi hành vi - thay đổi tư duy trong phát triển sản xuất, kinh doanh

Tranh thủ nhiều nguồn lực tổ chức nhiều hoạt động nâng cao năng lực, phối hợp truyền thông thúc đẩy thực hiện Đề án 939 ***“Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”***, với sự vận dụng sáng tạo, Hội LHPN tỉnh đã tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ chuyển đổi hành vi thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo bằng nhiều hình thức thiết thực như: tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng quản lý tài chính hộ gia đình, kỹ năng quản trị và sử dụng mạng xã hội để giới thiệu sản phẩm, nâng cao năng lực tạo lập, quản lý và khai thác quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm. Hỗ trợ hiện thực hoá **162** ý tưởng khởi nghiệp của phụ nữ; tích cực hỗ trợ **gần 3.000** phụ nữ phát triển kinh doanh thông qua các hình thức như vay vốn, hỗ trợ vật dụng sản xuất,... Qua đó, giúp phụ nữ từng bước thay đổi tư duy, đổi mới sáng tạo, chủ động mở rộng hoạt động kinh doanh, tích cực ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị của sản phẩm, từng bước phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa tập trung theo chuỗi giá trị đặc biệt là các sản phẩm chủ lực, đặc sản, OCOP, mạnh dạn đầu tư, xây dựng kế hoạch kinh doanh khoa học, phù hợp với mô hình khởi nghiệp của mình, giúp phát triển kinh tế bền vững, giảm nghèo, làm giàu chính đáng.

Phát huy tinh thần tự lực, thực hành tiết kiệm

Từ nhận thức sâu sắc về mục đích, ý nghĩa của việc ***“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”***, việc thực hiện các mô hình tiết kiệm trở thành phong trào thi đua sâu rộng và phát huy tinh thần ***“tương thân tương ái”*** của phụ nữ, xây dựng văn hóa tiết kiệm trong mỗi gia đình. Với nhiều hình thức như: ***“Tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”***, ***“Tiết kiệm khởi nghiệp”***, ***“Biến rác thành tiền”***, ***“Tiết kiệm mua thẻ bảo hiểm y tế”***, ... đã thu được **1.470 triệu đồng** nhằm tạo ra nguồn lực tại chỗ để hỗ

trợ sinh kế giúp phụ nữ tự lực vươn lên vượt khó, thoát nghèo, hỗ trợ vốn để phát triển kinh tế, hỗ trợ BHYT, nhận đỡ đầu trẻ mồ côi, đồng hành cùng phụ nữ nghèo yếu thế có địa chỉ... Duy trì tốt các mô hình tiết kiệm “*Đổi ngày công con giống*”, “*Hũ gạo tình thương*”, “*Nuôi heo đất*”, “*Ông tre tiết kiệm*”... tiếp tục được phát huy nhằm hỗ trợ cho cán bộ, hội viên, phụ nữ nghèo, phụ nữ khó khăn phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống gia đình. Hội đã tranh thủ vận động các nguồn lực từ hội viên, các tổ chức, cá nhân, dự án quốc tế hàng năm xây dựng và sửa chữa **40** mái ấm tình thương với tổng kinh phí **hơn 2 tỷ đồng** cho gia đình phụ nữ khó khăn, yếu thế; trao **3.200** suất học bổng Nguyễn Thị Định trị giá **1.120** triệu đồng cho trẻ em nghèo, trẻ em có nguy cơ bỏ học đi làm ăn xa.

Hỗ trợ vốn vay với chính sách ưu đãi

Từ nhiều chính sách ưu đãi nhằm thực hiện công tác giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội, đặc biệt chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác do Ngân hàng chính sách xã hội quản lý là một công cụ quan trọng và hiệu quả, giúp cho nhiều hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hội viên phụ nữ được vay các nguồn vốn phát triển kinh tế, giúp họ vươn lên làm giàu chính đáng. Đến nay, thông qua hoạt động ủy thác với Ngân hàng chính sách xã hội với tổng dư nợ trên **4.461** tỷ đồng cho **96.573** hộ vay. Hoạt động ủy thác với Ngân hàng chính sách xã hội đã trở thành điểm sáng trong thực hiện vai trò là cầu nối nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đến với phụ nữ nghèo. Bên cạnh đó, hoạt động tín chấp với các ngân hàng thương mại khác cũng được các cấp Hội chủ động mở rộng khai thác với tổng dư nợ trên **450** tỷ đồng. Thông qua các nguồn vốn vay ưu đãi, giúp chị em mạnh dạn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, chủ động làm kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững.

Hiện thực hóa ước mơ có nhà ở kiên cố cho phụ nữ nghèo

“*An cư*” là một trong những vấn đề hết sức bức thiết để những phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế có thể “*lạc nghiệp*”. Vì vậy, Hội LHPN tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp Hội tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các hoạt động “*Hỗ trợ sửa chữa, xây dựng mái ấm tình thương*” cho phụ nữ nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Từ nguồn lực vận động của Tổ chức Trẻ em Rộng xanh (Úc) đã hỗ trợ xây dựng **36** ngôi nhà mới với tổng kinh phí **2,8** tỷ đồng cho phụ nữ nghèo, phụ nữ khó khăn, giúp chị em ổn định cuộc sống, tạo động lực để họ tiếp tục lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, góp phần thực hiện công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

Hỗ trợ sinh kế - trao “cần câu” giúp phụ nữ thoát nghèo

Sinh kế là vấn đề cốt lõi, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và tính bền vững của công tác giảm nghèo. Đây là một trong những điểm mới của chương trình giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 và cũng là chỉ tiêu mà Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 đã đề ra. Thời gian qua, từ rất nhiều nguồn lực, các cấp Hội đã hỗ trợ hàng trăm mô hình sinh kế bao gồm cây, con giống, thức ăn, phân bón và hướng dẫn phương pháp chăm sóc, nuôi trồng, từ đó tạo điều kiện cho hộ nghèo vươn lên làm kinh tế, có thu nhập. Hội chú trọng việc hỗ trợ duy trì hiệu quả Hợp tác xã do phụ nữ quản lý, tổ hợp tác, tổ liên kết phát triển kinh tế. Kết quả đã thành hiệm toàn lập

mới **125** tổ liên kết, **21** tổ hợp tác, **10** hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý. Duy trì **17** mô hình sinh kế theo chuỗi giá trị, các sản phẩm truyền thống, hữu cơ, an toàn, đặc sản với hơn **385** chị tham gia, hàng năm liên kết các đơn vị trong tỉnh và ngoài tỉnh tiêu thụ gần **200** tấn hàng hóa đặc sản địa phương; Hỗ trợ vốn vay, hỗ trợ vật dụng kinh doanh mua bán với tổng trị giá trên **792 triệu** đồng.

Từ những giải pháp nêu trên, từ năm 2021 đến nay, các cấp Hội đã giúp đỡ 915 hộ nghèo có phụ nữ thoát nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương.

Nhằm đẩy tiếp tục phát huy vai trò, sức mạnh của các cấp Hội LHPN tham gia thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trong thời gian tới. Ban Thường vụ tỉnh Hội PN tiếp tục chỉ đạo các cấp Hội PN thực hiện tốt mục tiêu chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đại hội ĐBPN tỉnh lần thứ 16, nhiệm kỳ 2021-2026 đề ra, trong đó trọng tâm ưu tiên công tác giảm nghèo bằng các giải pháp sau:

Một là, Xác định giảm nghèo là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài. Kiên trì mục tiêu đẩy mạnh hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế gắn với đổi mới sáng tạo - tiếp cận kinh tế số

Hai là, Xác định rõ địa chỉ cụ thể thông qua khảo sát, Xây dựng kế hoạch, phương án cách thức hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả; Tuyên truyền huy động tối đa nguồn lực tại chỗ kết hợp với huy động nguồn lực bên ngoài của tổ chức Hội để thực hiện.

Ba là, Tiếp tục huy động khai thác các nguồn lực về vốn, về kiến thức từ các tổ chức/cá nhân trong và ngoài nước; hỗ trợ sinh kế cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ yếu thế.

Bốn là, Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động phối hợp thực hiện mục tiêu Đề án 939 “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”; “Đề án “Cố Đò khởi nghiệp 2020-2025” tập trung hỗ trợ, nghề truyền thống, nâng cao năng lực phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm; Hỗ trợ áp dụng KHKT, KHCN, các ứng dụng công nghệ số, Xây dựng văn hóa kinh doanh,... nhằm thay đổi tư duy, nâng cao vị thế về kinh tế cho phụ nữ đồng thời thúc đẩy, khuyến khích phong trào khởi nghiệp ĐMST tỉnh nhà và phát triển các đặc sản truyền thống Huế gắn với Đề án “Huế- Kinh đô ẩm thực”.

Năm là, Lòng ghép thúc đẩy hỗ trợ phát triển kinh tế gắn với tuyên truyền phổ biến nội dung công tác Hội, Phổ biến chủ trương đường lối, chính sách luật pháp của Đảng và nhà nước nhằm nâng cao nhận thức của người dân phát triển kinh tế tuân thủ pháp luật để phát triển bền vững.

Từ những việc làm cụ thể, thiết thực cùng với sự nỗ lực, đồng lòng, đồng sức của các cấp Hội để thực hiện có hiệu quả phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”, góp phần hoàn thành chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo *đến năm 2025 còn 2-2,2%* mà Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2021-2026) đề ra và đóng góp thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN MÔ HÌNH HỖ TRỢ
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIÚP NGƯỜI DÂN CÓ ĐIỀU KIỆN
PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, CẢI THIỆN THU NHẬP
VƯƠN LÊN THOÁT NGHÈO**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03/ 11/ 2021 của Tỉnh ủy về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ vốn ngân sách nhà nước thực hiện phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025 Chỉ thị 33-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh về định mức kinh tế, kỹ thuật trong nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1475/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức kinh tế kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp các Sở ban ngành, địa phương triển khai các chính sách và hướng dẫn thực hiện các dự án mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình, cụ thể như sau:

1. Một số kết quả đã thực hiện

a) Về triển khai hướng dẫn các chính sách và xây dựng dự án mô hình: Sở nông nghiệp và PTNT xây dựng kế hoạch để phối hợp với các địa phương tổ chức tập huấn hướng dẫn các chính của Trung ương, Tỉnh và quy trình xây dựng dự án cũng như định mức định mức kinh tế kỹ thuật về hỗ trợ phát triển sản xuất của Chương trình cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã, thôn của các địa phương hưởng lợi thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Năm 2023: Tổ chức 9 lớp (Thượng Long, Hương Hữu, huyện Nam Đông; Lộc Vĩnh, Giang Hải huyện Phú Lộc; Phú Gia huyện Phú Vang; Phong Chương, Điền Hương, huyện Phong Điền; Đông Sơn, Hồng Hạ huyện A Lưới) với số lượng 355 học viên tham gia.

- Năm 2024: Tổ chức 16 lớp (16 xã, thị trấn trên địa bàn huyện A Lưới) với số lượng học 620 học viên

Đồng thời tiếp tục xây dựng kế hoạch triển khai các chính sách và hướng dẫn xây dựng Dự án, kế hoạch hỗ trợ mô hình sản xuất cho các xã thuộc các huyện, thị và thành

phổ để hoàn thành mục tiêu đề ra của UBND tỉnh (theo Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế).

b) Một số dự án, mô hình đã được phê duyệt và đầu tư

* *Tổng dự án được phê duyệt và đầu tư hỗ trợ:* 14 dự án (Hương Thủy 3 dự án, Nam Đông 3 dự án, Phú Vang 5 dự án, Quảng Điền 2 dự án, Hương Trà 01 dự án). Dự án thuộc các lĩnh vực: Chăn nuôi bò 4 dự án, chăn nuôi gà 6 dự án, chăn nuôi lợn 2 dự án, nuôi trồng thủy sản 1 dự án, trong đó:

+ Dự án chăn nuôi bò: 4 dự án (Nam Đông 3, Hương Thủy 1)

+ Dự án chăn nuôi gà: 7 dự án (Hương Thủy 1, Phú Vang 3, Quảng Điền 2, Hương Trà 01)

+ Dự án chăn nuôi lợn: 2 dự án (Hương Thủy 1, Phú Vang 1)

+ Dự án nuôi trồng thủy sản: 1 dự án (Phú Vang 1)

* *Các mô hình qua 2 năm thực hiện*

- **Năm 2022:** Có 18 mô hình với 283 hộ tham gia, cụ thể:

+ 12 mô hình nuôi gà lai kiến thả vườn, gà đệm lót sinh học với 195 hộ tham gia (100 hộ nghèo; 84 hộ cận nghèo; 11 hộ thoát nghèo);

+ 04 mô hình nuôi bò sinh sản với 62 hộ tham gia (34 hộ nghèo; 26 hộ cận nghèo; 02 hộ thoát nghèo);

+ 02 mô hình nuôi lợn thịt với 26 hộ tham gia (16 hộ nghèo; 09 hộ cận nghèo; 01 hộ thoát nghèo);

- **Năm 2023:** Có 18 mô hình được triển khai với 247 hộ tham gia, cụ thể:

+ 10 mô hình nuôi gà lai kiến thả vườn, gà đệm lót sinh học với 178 hộ tham gia (78 hộ nghèo; 64 hộ cận nghèo; 36 hộ thoát nghèo);

+ 01 mô hình nuôi bò sinh sản với 16 hộ tham gia (06 hộ nghèo; 07 hộ cận nghèo; 03 hộ thoát nghèo);

+ 05 mô hình nuôi lợn thịt với 35 hộ tham gia (24 hộ nghèo; 09 hộ cận nghèo; 02 hộ thoát nghèo);

* *Kinh phí thực hiện:* Tổng kinh phí 10.122,263 triệu đồng, trong đó nguồn ngân sách hỗ trợ 3.472,072 triệu đồng/19.456 triệu đồng, người dân đóng góp 6.577,236 triệu đồng (các dự án chăn nuôi bò 1.537,327 triệu đồng; các dự án chăn nuôi gà 4.776,469 triệu đồng; các dự án chăn nuôi lợn 208,487 triệu đồng; dự án nuôi trồng thủy sản 3.600 triệu đồng).

Đối với các địa phương đã xây dựng dự án, đăng ký các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất. Tuy nhiên, do quy định Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của NĐ 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 nên sẽ triển khai trong năm 2024.

* *Kết quả thực hiện các tiểu dự án của Chương trình do ngành nông nghiệp quản lý:*

- Tất cả đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện A Lưới và các xã khó khăn được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

- Dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo từng bước nâng cao đời sống của người dân tại địa phương.

Nhìn chung, qua hơn 02 năm triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng của dịch bệnh và tình hình suy thoái kinh tế. Nhưng với sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành sâu sát, quyết liệt, chủ động, có trọng tâm trọng điểm của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự đoàn kết, đồng thuận cao của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chung của tỉnh; các chính sách giảm nghèo đã góp phần rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; làm thay đổi diện mạo nông thôn, miền núi có nhiều chuyển biến tích cực; đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sản xuất và dân sinh. Đời sống người nghèo từng bước được cải thiện với việc tăng cường hỗ trợ các chiều thiếu hụt.

3. Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số khó khăn tồn tại

- Các nội dung hướng dẫn Chương trình được quy định tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, nội dung của các văn bản thường rất dài và thay đổi liên tục, trong khi đó năng lực chuyên môn, hiểu biết của đội ngũ cán bộ cấp thôn, cấp xã còn hạn chế vì vậy đề đội ngũ cán bộ cơ sở có thể nắm bắt, vận dụng chính xác, nhuần nhuyễn quy định của nhà nước trong việc quản lý, điều hành và thực hiện Chương trình trong giai đoạn này có nhiều khó khăn so với giai đoạn trước.

- Một số địa phương chưa thực hiện được do nguồn vốn đối ứng tham gia dự án của địa phương cũng như của người dân không có. Bên cạnh đó chưa có Doanh nghiệp và HTX tham gia chủ trì đối với các dự án liên kết.

- Do đặc thù đối tượng thụ hưởng, tham gia các dự án, mô hình là hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo nên trình độ, nhận thức, kinh nghiệm sản xuất, khả năng đối ứng còn hạn chế. Các hộ dân về tâm lý thường chọn dự án “dễ, an toàn”, “đơn giản”, “quen thuộc” chưa mạnh dạn chọn các dự án, mô hình mang tính đột phá, sáng tạo;

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu hướng dẫn, tuyên truyền và tổ chức thực hiện Chương trình giảm nghèo ở một số địa phương cấp huyện, xã chưa kịp thời, đồng bộ; cán bộ làm công tác giảm nghèo chuyên trách chưa được bố trí để đáp ứng nhiệm vụ (chỉ kiêm nhiệm theo dõi công tác giảm nghèo); năng lực hạn chế (nhất là các xã thuộc vùng sâu, vùng xa) nên chưa đáp ứng yêu cầu, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, thực hiện chính sách giảm nghèo.

- Chương trình, mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 có nhiều thay đổi về đối tượng, phạm vi, nội dung hỗ trợ, cơ chế quản lý Chương trình so với giai đoạn trước; số dự án, tiểu dự án thành phần nhiều hơn; cơ chế quản lý chặt chẽ hơn, vì vậy các cấp, các ngành cần có nhiều thời gian để được nghiên cứu, hướng dẫn triển khai một cách bài bản, kỹ lưỡng so với giai đoạn trước.

- Các địa phương đa phần triển khai các dự án, mô hình chăn nuôi gà, bò nhưng khi kết thúc chăn nuôi, bán sản phẩm thì rất ít hộ tham gia dự án, mô hình tiếp tục thực hiện tái đàn, dẫn đến chưa mang lại hiệu quả cao;

- Giai đoạn 2021-2025 khi thực hiện các hỗ trợ phát triển sản xuất chuyển từ hình thức hỗ trợ theo từng hộ sang hỗ trợ theo nhóm cộng đồng, trong nhóm cộng đồng phải có thành viên làm kinh tế giỏi nhưng khi tham gia dự án không được hỗ trợ giống, vật tư, nguyên vật liệu ... nếu không thuộc đối tượng người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh gây lúng túng, khó khăn cho các địa phương, nhất là tại cơ sở;

4. Một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian đến

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững.

- Phân bổ và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chỉ đạo quyết liệt, đưa ra các tiến độ cụ thể; tập trung các giải pháp khắc phục những vướng mắc, khó khăn nhất là các thủ tục, hồ sơ thực hiện dự án đầu tư phát triển. Thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình, khuyến khích các hoạt động tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế, mô hình giảm nghèo, giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài thuộc Chương trình trên địa bàn tỉnh.

- Tập huấn nâng cao năng lực về tiếp cận nguồn vốn hỗ trợ cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình.

- Hướng dẫn thành lập các tổ chức kinh tế như: Hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm sản xuất cộng đồng để tham gia vào dự dự án sản xuất liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm nhằm tạo tính bền vững trong sản xuất.

- Triển khai thực hiện, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, sinh kế có hiệu quả cho người dân; đồng thời hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ dân tham gia dự án trước khi bàn giao cây giống, con giống, vật tư cho người dân để đảm bảo tính hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo và an sinh xã hội cũng như các chính sách có liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt giám sát việc đầu tư ngân sách để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo tại các địa phương.

5. Một số giải pháp để phát triển sản xuất

- Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất theo hướng tăng cường liên kết giữa những hộ sản xuất liên kết, nhóm cộng đồng để cùng nhau tạo ra vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, xây dựng mã vùng truy xuất nguồn gốc đủ lớn, sản phẩm có chất lượng đồng đều, giá thành cạnh tranh.

- Mở rộng liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ nông dân theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ nông sản; trong đó, doanh nghiệp, hợp tác xã giữ vai trò nòng cốt, định hướng sản xuất, ứng dụng và chuyển giao khoa

học - công nghệ, hỗ trợ đầu vào và thu mua sản phẩm của hộ nông dân, xây dựng thương hiệu nông sản; nông dân là chủ thể xây dựng, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ và hữu cơ.

- Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị đối với một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế của tỉnh, huyện để giới thiệu, khuyến khích các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia học tập, làm theo.

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế, sản xuất sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận sản phẩm OCOP. Hỗ trợ xây dựng các cửa hàng bán các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm OCOP.

- Xây dựng một chiến lược và kế hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững gắn liền với du lịch nông thôn, đồng thời khai thác tiềm năng của ngành trong tương lai. Trên cơ sở đó, đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số các điểm du lịch nông thôn được số hóa và kết nối trên trang quảng bá.

**CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH
CHO VAY HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ MỚI THOÁT NGHÈO
VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GÓP PHẦN THỰC HIỆN
THÀNH CÔNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO
BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

Phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội là quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng, Nhà nước đã đề ra các chủ trương: Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội; có chính sách phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; chú trọng giải pháp tín dụng chính sách tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững; trợ giúp người nghèo chủ yếu bằng cách cho vay vốn ưu đãi, hướng dẫn cách làm ăn.

Để thực hiện các chủ trương trên, Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều giải pháp hỗ trợ giảm nghèo bền vững, trong đó có chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) thực hiện. Trải qua hơn 21 năm đồng hành cùng người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác; dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quan tâm, chỉ đạo của NHCSXH, cấp ủy và chính quyền địa phương, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thừa Thiên Huế đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức chính trị - xã hội tập trung đẩy mạnh thực hiện các chương trình tín dụng, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4,93% cuối năm 2021 xuống còn 2,27% vào cuối năm 2023.

Nhằm thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023, thời gian qua tỉnh Thừa Thiên Huế đã tập trung nhiều nguồn lực để thực hiện, trong đó nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội được xem là giải pháp, nguồn lực tài chính hết sức quan trọng, là đòn bẩy kinh tế trong việc thực hiện mục tiêu trên. UBND tỉnh đã chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp, các ban ngành liên quan phối hợp với NHCSXH tỉnh thực hiện rà soát nhu cầu vốn vay để đảm bảo 100% hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu, đủ điều kiện trên toàn tỉnh được tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để sản xuất kinh doanh và phục vụ nhu cầu thiết yếu của hộ gia đình.

Việc thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội đã giúp cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương nhận thức sâu sắc hơn về vai trò, vị trí của tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã phát huy hiệu quả trong việc thực hiện các Đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tập trung nguồn lực từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH cho vay để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững. Sau gần 10 năm thực hiện, Chỉ thị 40-CT/TW đã thực sự đi vào cuộc sống, các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đã xác định rõ nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo đối với hoạt động tín dụng chính

sách xã hội là một trong những nhiệm vụ trong chương trình và kế hoạch, hoạt động thường xuyên của các cấp ủy, các ngành, địa phương và đơn vị.

Chính quyền địa phương đã làm tốt công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm làm cơ sở để thực hiện đúng chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội cho năm tiếp theo. Chính nhờ sự vào cuộc của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành và các tổ chức chính trị xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh do NHCSXH thực hiện đã đạt được những kết quả tốt, quy mô tín dụng được mở rộng, chất lượng tín dụng được nâng lên và duy trì bền vững, đáp ứng nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, ổn định cuộc sống cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

Việc Chủ tịch UBND cấp xã được bổ sung làm thành viên của Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện đã nâng cao vai trò quản lý Nhà nước và khẳng định được trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cấp xã đối với hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở, việc quản lý và thực hiện các chương trình tín dụng chính sách đạt hiệu quả hơn; Chủ tịch UBND cấp xã đã chỉ đạo Ban giảm nghèo, Trưởng thôn và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong việc triển khai thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, quản lý tốt nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn; thực hiện nghiêm túc công tác bình xét cho vay, đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy trình, thủ tục và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách trên địa bàn. Từ đó, chất lượng tín dụng được nâng cao, nợ quá hạn giảm, những Tổ tiết kiệm vay vốn hoạt động yếu kém đã kịp thời được củng cố; các chủ trương, chính sách mới được triển khai kịp thời đến đối tượng thụ hưởng; hoạt động giao dịch của NHCSXH tại Điểm giao dịch xã được chính quyền địa phương quan tâm hơn trong việc bố trí, sắp xếp địa điểm giao dịch đảm bảo an toàn, hiệu quả và thuận tiện.

NHCSXH từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã ưu tiên tập trung nguồn vốn tín dụng chính sách nhằm đáp ứng nhu cầu vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, điều kiện sinh hoạt và học tập của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, nhất là các hộ thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển, xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2023 trên địa bàn tỉnh.

Về kết quả thực hiện

Tổng nguồn vốn tín dụng chính sách thông qua NHCSXH tính đến 31/12/2023 là 4.383,4 tỷ đồng. Trong đó, nguồn vốn cân đối từ TW là 4.173,8 tỷ đồng, chiếm 95,21%; nguồn vốn ủy thác địa phương là 209,6 tỷ đồng, chiếm 4,79% trong tổng nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn toàn tỉnh. Nguồn vốn tín dụng chính sách đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển tải kịp thời và đúng đối tượng thụ hưởng đến tận tay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu vốn vay để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), sinh hoạt, học tập nhằm cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng thụ hưởng, góp phần thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong giai đoạn 2021-2023, nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cấp tỉnh đến cấp huyện chuyển sang NHCSXH tỉnh hàng năm được tăng lên, cụ thể: cuối năm 2020 nguồn vốn ủy thác địa phương chuyển sang NHCSXH để cho vay là 114,6

tỷ đồng, đến 31/12/2023 nguồn vốn ủy thác địa phương đạt 209,6 tỷ đồng, tăng 95 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ủy thác địa phương cấp tỉnh là 137,4 triệu đồng (tăng 86,6 triệu đồng), nguồn vốn ủy thác địa phương cấp huyện là 72,2 triệu đồng (tăng 36,4 triệu đồng).

Tính đến 31/12/2023, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang thực hiện 20 chương trình tín dụng chính sách theo chỉ định của Chính phủ với tổng dư nợ trên 4.375,4 tỷ đồng với trên 96.400 khách hàng còn dư nợ, trên 99% dư nợ hiện nay của NHCSXH được ủy thác qua 04 tổ chức chính trị - xã hội: Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn thanh niên. Nguồn vốn tín dụng chính sách đến kịp thời với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác thông qua mạng lưới hoạt động Điểm giao dịch xã được đặt tại 141 xã, phường, thị trấn, với 2.330 Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) hoạt động theo từng địa bàn thôn (bản), tổ dân phố, qua đó giúp người dân được tiếp cận vốn một cách thuận lợi với nhiều ưu đãi về phục vụ và tiếp cận các dịch vụ tiện ích về lãi suất cho vay, không phải thế chấp tài sản, thủ tục vay vốn đơn giản, hồ sơ cho vay được NHCSXH cấp miễn phí, giao dịch với NHCSXH ngay tại Điểm giao dịch xã nơi hộ vay sinh sống,...

Hiệu quả của các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện thành công chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2023

Thời gian qua NHCSXH tỉnh phối hợp với các ban ngành liên quan, các tổ chức Hội đoàn thể cấp huyện, xã triển khai thực hiện chính sách vay vốn trồng rừng, phát triển sản xuất, chăn nuôi, cho vay xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh môi trường nông thôn,... đến tận thôn, bản, thông qua hình thức Tổ TK&VV; kết hợp tuyên truyền về chính sách tín dụng ưu đãi. Nhờ đó, cơ chế tín dụng chính sách đã được nhân dân tiếp cận kịp thời, phát huy hiệu quả, mức vay, thời hạn cho vay đáp ứng được nhu cầu và chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng quản lý vốn của hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

Trong 3 năm qua, nguồn vốn tín dụng chính sách đã đáp ứng cho 117.241 lượt khách hàng được vay vốn với số tiền trên 5.178 tỷ đồng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng nhà ở cho người nghèo, nhà ở xã hội, xây dựng các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (NS&VSMT), đầu tư cho việc học tập của Học sinh sinh viên (HSSV),... Nhờ nguồn vốn tín dụng chính sách đã giúp cho 55.927 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay vốn; 19.239 lao động được vay vốn tạo việc làm; 546 lao động được vay vốn đi lao động ở nước ngoài; 1.785 HSSV được vay vốn để học tập; 1.066 hộ nghèo được hỗ trợ vốn để xây dựng nhà ở; gần 57 ngàn công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được xây mới. Thông qua nguồn vốn tín dụng chính sách từ Ngân hàng chính sách xã hội và sự nỗ lực của người dân, đã góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4,93% (đầu năm 2021) xuống còn 2,27% (cuối năm 2023) theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2022-2025.

NHCSXH trên địa bàn đã chủ động phối hợp với UBND và các tổ chức Hội đoàn thể cấp xã trong việc thực hiện cho vay vốn tín dụng chính sách kết hợp với lồng ghép với các chương trình phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, phát triển giáo dục, dạy nghề và tạo việc làm nhằm giúp cho người vay đầu tư vốn đúng mục đích và có hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập của người dân;

đồng thời thường xuyên phối hợp với các cơ quan đài, báo tại địa phương và trung ương tuyên truyền các mô hình sản xuất hiệu quả, điển hình nhằm nhân rộng để mọi người được biết, tham quan học tập nhằm đầu tư vốn vay đạt hiệu quả cao, góp phần giúp người nghèo sớm vươn lên thoát nghèo bền vững và làm giàu chính đáng.

Nhờ sự quan tâm, chỉ đạo và phối hợp thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội, vốn vay từ NHCSXH không những tạo đà cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế vượt qua nghèo khó mà còn góp phần làm thay đổi cách nghĩ, cách làm của bà con. Ngày nay, bà con đã biết cách lựa chọn những mô hình kinh tế phù hợp và đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới áp dụng vào các dự án sản xuất kinh doanh có đầu tư vốn tín dụng chính sách nhằm đảm bảo đạt hiệu quả kinh tế cao, được thị trường chấp nhận trong khâu tiêu thụ sản phẩm, thu được nhiều lợi nhuận.

Suất đầu tư bình quân/hộ được nâng từ 36,5 triệu/hộ (năm 2021) lên 45,3 triệu/hộ (năm 2023) góp phần làm thay đổi đáng kể đời sống của hộ nghèo và người lao động, bộ mặt nông thôn mới ngày càng thay đổi và phát triển bền vững trên địa bàn toàn tỉnh. Nhờ vay vốn đầu tư SXKD, thu nhập của các hộ gia đình ngày càng được cải thiện và không ngừng nâng cao, nhiều hộ có thu nhập bình quân từ 5-10 triệu đồng/tháng, đặc biệt có hộ thu nhập từ 20-30 triệu/tháng, không những thanh toán được nợ vay mà còn có tích lũy để sửa chữa, xây dựng nhà mới và mua sắm các vật dụng thiết yếu gia đình.

Với việc đầu tư các nguồn vốn tín dụng chính sách đã gắn kết cấp ủy chính quyền địa phương, các hội đoàn thể với nhân dân, thu hút các đoàn viên, hội viên tích cực tham gia hoạt động đoàn thể, đã tạo điều kiện cho hàng ngàn lượt hộ thoát nghèo một cách bền vững, đời sống sinh hoạt và học tập của con em các hộ gia đình là hộ nghèo và các đối tượng tín dụng chính sách trên địa bàn tỉnh ngày càng được cải thiện và đi lên, góp phần chuyển biến về nhận thức và cách làm ăn, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất việc cho vay nặng lãi ở nông thôn, tín dụng đen, giảm tỷ lệ thất nghiệp, các tệ nạn xã hội góp phần giữ vững an ninh, chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, góp phần không nhỏ trong việc xây dựng một xã hội ổn định, công bằng và phát triển mà trước hết là xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, thu hẹp khoảng cách giữa giàu, nghèo, giữa thành thị và nông thôn. Bên cạnh đó các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương đã tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức nhiều hoạt động thiết thực góp phần đẩy mạnh việc thực hiện mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững ở các địa phương.

Có thể khẳng định rằng thông qua các chương trình tín dụng chính sách xã hội đã góp phần không nhỏ trong công tác giảm nghèo, tạo việc làm và ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh, thực sự là công cụ phục vụ đắc lực của Đảng bộ và chính quyền các cấp trong việc thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững trong giai đoạn hiện nay.

Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Nguồn vốn tín dụng chính sách tăng trưởng hàng năm chủ yếu từ nguồn vốn cân đối của Trung ương. Nguồn vốn ủy thác tại địa phương còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn ngày càng tăng của hộ nghèo và các đối tượng khác trên địa bàn toàn tỉnh.

- Một số HSSV ra trường đã có việc làm hoặc việc làm chưa ổn định, thu nhập nên chưa có ý thức trả nợ với lý do chưa tìm được việc làm phù hợp gây khó khăn trong công tác thu hồi nợ.

- Đến nay toàn tỉnh chỉ còn 19 xã thuộc vùng khó khăn, giảm 38 xã so với khi ban hành Quyết định 1010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhiều hộ ở những xã này trước đây được vay vốn chương trình hộ SXKD vùng khó khăn, nay không còn được vay vốn, phải thu hồi nguồn vốn khi đến hạn, trong khi người dân ở các xã này rất cần vốn để tiếp tục đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm góp phần thoát nghèo bền vững, tạo việc làm tại địa phương.

- Đối tượng vay vốn tín dụng chính sách hầu hết là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, đối tượng đầu tư chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nên chịu nhiều rủi ro do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt như thiên tai, dịch bệnh,... làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh và chất lượng tín dụng.

Giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

- Tiếp tục tham mưu và tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị 40-CT/TW, ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội; Quyết định 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch triển khai Chỉ thị 40-CT/TW.

- Thực hiện có hiệu quả phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội phù hợp với điều kiện thực tế. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng.

- Tích cực huy động nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng theo chỉ tiêu kế hoạch được giao. Chủ động báo cáo, tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về hoạt động tín dụng chính sách xã hội; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách liên quan để việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội đạt hiệu quả thiết thực, phù hợp với kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

- Không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả nguồn nhân lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Đồng thời, làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, động viên, khích lệ, phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, tạo tâm lý tự tin, ý chí thoát nghèo để người nghèo, đối tượng chính sách mạnh dạn tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi, nâng cao ý thức trách nhiệm trong sử dụng vốn, hoàn trả vốn vay

- Tăng cường công tác kiểm tra sử dụng vốn vay tất cả các chương trình tín dụng chính sách, đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích và hiệu quả. Thực hiện tốt công tác kiểm tra về nghiệp vụ cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Kiến nghị đề xuất trong thời gian tới đối với cấp ủy, chính quyền địa phương và các ban ngành, đoàn thể

1. Đề nghị Tỉnh ủy, HĐND, UBND tiếp tục quan tâm chỉ đạo cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách theo Chỉ thị 40-CT/TW của Ban Bí thư TW Đảng, có đánh giá về trách nhiệm của tổ chức cơ sở Đảng và cá nhân hàng năm, nhằm tiếp tục nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội.

2. Chính quyền địa phương các cấp: Căn cứ vào khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách, tham mưu HĐND cùng cấp bố trí vốn ngân sách địa phương bao gồm vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ thực hiện một số hoạt động của các Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, ổn định sinh kế, hỗ trợ cải thiện nhà ở; phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm; duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển du lịch nông thôn (nếu có). Mục tiêu phân đầu hàng năm nguồn vốn ngân sách chuyển sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh chiếm từ 10%-15% tăng trưởng dư nợ tín dụng của Chi nhánh trong năm.

Tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác điều tra, rà soát thường xuyên, định kỳ đối với hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống trung bình và các đối tượng chính sách khác tại địa phương, tạo điều kiện để các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nhanh chóng, kịp thời vốn tín dụng chính sách xã hội. Thường xuyên quan tâm chỉ đạo củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội, quan tâm hỗ trợ cơ sở vật chất, địa điểm, trang thiết bị, phương tiện làm việc, điều kiện làm việc nhằm nâng cao năng lực hoạt động NHCSXH.

3. Các tổ chức chính trị xã hội:

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến mọi tầng lớp nhân dân nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát toàn dân đối với tín dụng chính sách xã hội.

- Thực hiện tốt việc nhận diện các hộ vay vốn, tham gia họp bình xét cho vay đảm bảo nguyên tắc “cho vay đúng đối tượng, vốn vay có vật tư tương đương làm đảm bảo và có khả năng trả nợ”.

- Tăng cường vai trò giám sát, kiểm tra Hội đoàn thể cấp dưới trong việc thực hiện một số nội dung, công việc được NHCSXH ủy thác; tăng cường kiểm tra hoạt động của các Tổ TK&VV; chủ động phối hợp rà soát, lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro kịp thời đối với các hộ vay đủ điều kiện theo quy định để trình cấp có thẩm quyền xử lý nhằm đảm bảo quyền lợi cho khách hàng, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng ủy thác./.

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC, KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC CHÍNH SÁCH GIẢM NGHÈO
THƯỜNG XUYÊN GÓP PHẦN ĐƯA HUYỆN A LƯỚI THOÁT KHỎI
HUYỆN NGHÈO NĂM 2024**

Ủy ban nhân dân huyện A Lưới

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện A Lưới đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022, Phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025.

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-TU ngày 03 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025; huyện uỷ A Lưới đã cụ thể hoá ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HU ngày 24 tháng 3 năm 2022 của BCH Đảng bộ huyện khoá 12 về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025 (Nghị quyết 11).

Dưới sự chỉ đạo của Đồng chí Bí thư huyện uỷ A Lưới, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Quyết định số 760-QĐ/HU, ngày 12/5/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững 2022-2025; BCD giảm nghèo bền vững ban hành Quyết định số 04-QĐ/BCĐ, ngày 27/7/2022; Quyết định số 02-QĐ/BCĐ, ngày 18/5/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của việc Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững 2022-2025; Thông báo số 01-TB/BCĐ, ngày 18/5/2022 về việc phân công nhiệm vụ các thành viên BCD GNBV giai đoạn 2022-2025; Thông báo số 02-TB/BCĐ, ngày 30/5/2022 phân công nhiệm vụ các thành viên TGV BCD GNBV giai đoạn 2022-2025; Chương trình số 01-CTr/BCĐ, ngày 08/6/2022 về chương trình công tác của Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững huyện năm 2022.

Huyện A Lưới có tổng diện tích tự nhiên là 114.850,01 ha. Huyện có 17 xã và 01 thị trấn, năm 2023 toàn huyện có 14.343 hộ (54.402 khẩu), gồm 5 dân tộc chính sinh sống là Pa Cô, Tà Ôi, Ka Tu, Pa Hy, Kinh và một vài dân tộc khác nhập cư trong những năm gần đây. Đến cuối năm 2023, toàn huyện có 14.343 hộ (54.402 nhân khẩu), trong đó tổng số hộ người dân tộc thiểu số là 11.016 hộ (42.247 nhân khẩu) chiếm 76,8% tổng số hộ dân toàn huyện.

Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 03 tháng 10 năm 2021 của Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Huyện uỷ A Lưới về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025; Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025. Ủy ban nhân dân huyện A Lưới đã triển khai xây dựng Kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2022-2025, xây dựng lộ trình thoát huyện nghèo đến năm 2024. Chỉ đạo các ban, ngành xây dựng các phương án hỗ trợ, đầu tư cho các chương trình trọng điểm và hỗ trợ các nhu cầu thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo.

Kết quả thực hiện đến năm 2023, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 1.279 tỷ đồng/năm; Thu ngân sách đạt 26.930 triệu đồng/năm; Thu nhập bình quân đầu người đạt 35,22 triệu đồng/năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 40,01%, công tác tạo

việc làm được các cấp chính quyền quan tâm, ý thức của người lao động nâng cao, mỗi năm tạo việc làm mới bình quân 758 lao động đạt 113,6% kế hoạch. Hộ nghèo toàn huyện đến cuối năm 2023 là 24,30%, tỷ lệ hộ cận nghèo là 15,58%, tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo là 39,88%.

Với sự quyết tâm của cấp ủy, chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó đi lên của huyện A Lưới cùng với nguồn lực²⁴ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia được Trung ương hỗ trợ trong 02 năm 2022-2023, nguồn kinh phí địa phương và huy động, xã hội hoá, sau 02 năm thực hiện đến nay công tác giảm nghèo ở huyện A Lưới đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, đảm bảo điều kiện thoát khỏi tình trạng nghèo trong năm 2024, cụ thể:

a) Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo

Cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo là 49,98% (7.022 hộ nghèo). Qua thực hiện đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo còn 38,20% (5.399 hộ nghèo), giảm 11,78% và giảm 1.623 hộ nghèo so với năm 2021;

Cuối năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo là 24,30% (3.485 hộ nghèo), giảm 13,9% và giảm 1.914 hộ nghèo so với năm 2022, vượt chỉ tiêu đề ra (năm 2023, chỉ tiêu tỷ lệ hộ nghèo là 27,37%. Qua 02 năm thực hiện, đã giảm 3.537 hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ nghèo 25,58%.

Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 17,9%, từ 48,8% năm 2022 xuống còn 30,9% năm 2023, đạt chỉ tiêu đề ra (chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025, giảm trên 3,0%/năm);

b) Đào tạo nghề, giải quyết việc làm: đã đào tạo nghề cho hơn 1.500 học viên và giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động, trong đó có 74 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động;

c) Hỗ trợ nhà ở: đã, đang hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho 1.557 hộ nghèo, hộ cận nghèo với kinh phí 80.980 triệu đồng²⁵ từ nguồn ngân sách và huy động, xã hội hoá.

d) Giải ngân vốn chương trình: đến ngày 31/01/2024, quỹ kế giải ngân²⁶ được 204.860,7 triệu đồng/303.409 triệu đồng, tỷ lệ 67,5% (ngân sách trung ương 179.080,7/266.949 triệu đồng, tỷ lệ 67,1%; ngân sách địa phương 25.780/36.460 triệu đồng, tỷ lệ 70,7%);

đ) Tổng doanh thu Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và các sản phẩm khác thuộc lĩnh vực công thương ước tính năm 2023 là: 274,8 tỷ đồng trong đó: Công

²⁴(1) Ngân sách trung ương: 557.710 triệu đồng, trong đó: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 33.578 triệu đồng (ĐTPT 27.989 triệu đồng; sự nghiệp 5.589 triệu đồng); (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 257.183 triệu đồng (ĐTPT 153.758 triệu đồng; sự nghiệp 103.425 triệu đồng) (iii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 266.949 triệu đồng (ĐTPT 185.661 triệu đồng; sự nghiệp 81.288 triệu đồng);

(2) Ngân sách địa phương: 50.377 triệu đồng, trong đó: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 17.261 triệu đồng; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 10.496 triệu đồng; (iii) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 22.620 triệu đồng; (3) Huy động, xã hội hoá: 11.040 triệu đồng;

²⁵ Ngân sách 139.250 triệu đồng; huy động, xã hội hoá 24.310 triệu đồng;

²⁶ (1) Vốn ĐTPT: 126.810/188.461 triệu đồng, tỷ lệ 67,3%; (2) Vốn sự nghiệp: 78.050,7/114.948 triệu đồng, tỷ lệ 67,9%

nghiệp 198,32 tỷ đồng, tiêu thủ công nghiệp 76,49 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người đạt 35,2 triệu đồng/người, tăng 7,7 triệu đồng so với năm 2021 (27,5 triệu đồng/người)

Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Huyện ủy, HĐND, UBND luôn xác định giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng, quá trình thực hiện gắn chặt với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. huyện đã triển khai đồng bộ các chính sách, dự án giảm nghèo như: Chính sách hỗ trợ sản xuất, dạy nghề tạo việc làm; chính sách hỗ trợ về giáo dục, đào tạo; chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 90/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Cùng với nỗ lực và sự đồng thuận cao nên hiện nay huyện A Lưới đã đủ điều kiện làm hồ sơ rà soát, đánh giá, xác định tiêu chí thoát khỏi tình trạng huyện nghèo năm 2024 của huyện A Lưới đầy đủ theo quy định.

Để đảm bảo tính bền vững sau khi huyện A Lưới được công nhận thoát khỏi tình trạng huyện nghèo, huyện A Lưới đề xuất các cơ quan cấp tỉnh và Trung ương.

Thứ nhất: các Bộ hướng dẫn về các điểm mới của chương trình; cơ chế quản lý, điều hành, thực hiện chương trình, cơ chế tài chính, kiểm tra, giám sát; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và ứng dụng phần mềm trong rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; chia sẻ kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Thứ hai: Trao đổi, thảo luận, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động của chương trình.

Thứ ba: Đối với các vấn đề vướng mắc về cơ chế, chính sách thực hiện chương trình, đề nghị Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo tổng hợp đầy đủ, báo cáo Bộ tham mưu Ban Chỉ đạo Trung ương chỉ đạo tháo gỡ.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO CỦA ĐỊA PHƯƠNG GÓP PHẦN ĐƯA XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

Ủy ban nhân dân xã Điền Hương

Được sự cho phép của Ban tổ chức hội nghị. Thay mặt cây ủy, chính quyền và Ban chỉ đạo Giảm nghèo xã Điền Hương, tôi xin được báo cáo tham luận tại Hội nghị sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 với nội dung “Kết quả thực hiện Chương trình, công tác giảm nghèo của địa phương góp phần đưa xã đạt chuẩn nông thôn mới” như sau:

1. Thực trạng

Tại Quyết định số 353/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025 xã Điền Hương là một trong 7 xã của Tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 – 2025. Xã Điền Hương nằm về phía Bắc huyện Phong Điền với diện tích tự nhiên 17,25 km² dân số là 3.535 người. Địa bàn dân cư gồm có 04 thôn, trong đó có 03 thôn vùng ruộng và 1 thôn vùng biển. Ngành nghề chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, đánh bắt nuôi trồng thủy sản, trình độ nhận thức của nhân dân chưa đồng đều; người dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư hỗ trợ của Nhà nước, nên việc huy động các nguồn lực đầu tư gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển với các chương trình lớn như: Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững, chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới; các dự án, chính sách ưu đãi, giảm nghèo, hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội... được triển khai thực hiện trên địa bàn xã. UBND xã luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp, các ngành, nhất là sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ban chỉ đạo giảm nghèo, Ban chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện ...

Trong những năm qua Cấp ủy và chính quyền địa phương đã tập trung, lãnh đạo, chỉ đạo và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc thực hiện hiệu quả các chương trình đầu tư trên địa bàn; thường xuyên vận động nhân dân tham gia sản xuất, phát triển các mô hình trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản để cải thiện đời sống, phát triển kinh tế hộ gia đình; tham mưu với cấp trên hỗ trợ các mô hình sinh kế hỗ trợ cây giống, con giống vật nuôi đến với hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình khó khăn để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống. Công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã từng năm đã có nhiều chuyển biến tích cực; Đầu năm 2021 trên địa bàn xã còn 69 hộ nghèo, tỷ lệ 7,57%, đến năm 2023 giảm còn 58 hộ nghèo, tỷ lệ 6,06%, đến đầu năm 2024 giảm còn 47 hộ nghèo, tỷ lệ 4,93%. Phần đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 còn 36 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 3,90%. Cơ sở hạ tầng được quan tâm xây dựng, kinh tế – xã hội từng bước được khởi sắc đi lên. Ngày 25 tháng 7 năm 2023 Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận xã Điền Hương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 tại Quyết định 1787/QĐ-UBND.

2. Kết quả thực hiện Chương trình, công tác giảm nghèo của địa phương góp phần đưa xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về kết quả phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội:

Với quyết tâm đầu tư kết cấu hạ tầng xã hội để phục vụ nhân dân, sớm đưa xã Điền Hương thoát khỏi xã nghèo, và đạt chuẩn xã nông thôn mới. Bằng nguồn lực hỗ trợ nguồn vốn Trung ương chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và các nguồn ngân sách Tỉnh, huyện hỗ trợ, ngân sách của xã, đóng góp của nhân dân và nguồn huy động hợp pháp khác. Đến nay trên địa bàn xã đã đạt được những kết quả như sau:

Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã; đường trục thôn, liên thôn, đường ngõ, xóm, đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện đạt 100%.

+ Về Thủy lợi: Xã đã được ngân sách Nhà nước quan tâm đầu tư xây dựng 7 Trạm bơm điện, hệ thống kênh mương thủy lợi, đê bao nội đồng ... Vì vậy, tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động trên địa bàn xã đạt 90%.

+ Về Trường học: Trên địa bàn xã có 2 trường học (Tiểu học và Mầm non, không có trường THCS): Từ các nguồn vốn chương trình đã đầu tư cơ sở vật chất cho 2 trường, đến nay có 2/2 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

+ Về cơ sở vật chất văn hóa: Từ nguồn vốn của Tỉnh đã đầu tư xây dựng mới Hội trường (nhà văn hóa xã) và từ nguồn vốn hỗ trợ hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn bãi ngang ven biển xã đã duy tu sửa chữa các Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn trên địa bàn xã. Đến nay đã có 4/4 thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng.

+ Về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Từ nguồn vốn hỗ trợ, xã đã được đầu tư xây dựng mới Chợ Điền Hương đáp ứng nhu cầu trao đổi mua bán của nhân dân trong và ngoài địa phương.

+ Về nhà ở dân cư: Với quyết tâm trên địa bàn xã không có nhà ở tạm bợ, dột nát, tất cả người nghèo đều đảm bảo không thiếu hụt về nhà ở. Thông qua các kênh như xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Hội Chữ thập đỏ, chương trình Xóa nhà tạm, Nhà phòng tránh Lụt bão, nhà do Tổ chức GCF tài trợ...trong những năm qua trên địa bàn xã đã hỗ trợ cho hơn 100 hộ xây dựng, sửa chữa lại nhà ở, đến nay không còn nhà tạm, nhà dột nát. Không có hộ nghèo không có đất ở và không có nhà ở.

- Về phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

Đảng bộ, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tập trung chỉ đạo, vận động nhân dân đẩy mạnh phát triển sản xuất, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được quan tâm đầu tư xây dựng; Sản xuất nông nghiệp được ổn định, người dân tích cực tham gia thực hiện các đề án, mô hình kinh tế có hiệu quả như như: đề án phát triển số lượng, nâng cao chất lượng đàn bò, mô hình nuôi gà thả vườn, mô hình trồng nấm rơm....

Đặc biệt, trong giai đoạn 2015-2020 từ nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia GNBV trên địa bàn xã (trung bình mỗi năm khoảng 300 triệu đồng) đã hỗ trợ,

cấp trên 115 con bò cái sinh sản cho các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn tham gia chăn nuôi phát triển kinh tế, vươn lên xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra huyện, xã luôn tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức vay vốn phát triển sản xuất tạo thêm công ăn việc làm; đưa lao động vào làm việc tại các công ty hoạt động có hiệu quả ở khu công nghiệp như: Công ty may Scavi, Nhà máy chế biến thủy sản Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam,...góp phần từng bước nâng cao thu nhập và đời sống của nhân dân; thu nhập bình quân đầu người của xã ngày càng tăng qua các năm. Vì vậy, năm 2023 thu nhập bình quân đầu người đạt 42 triệu đồng.

- Về công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm luôn được chú trọng; số lượng bình quân hàng năm giải quyết việc làm mới khoảng 87 lao động. Số lao động tham gia vào các thành phần kinh tế 1.645 người, trong đó số lao động có việc làm thường xuyên khoảng 1.607 người, đạt tỷ lệ 97,69%. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo 1.334/1.645 lao động chiếm 81,10%. ; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ là 395/1503 lao động, chiếm 26,28% . Thường xuyên tuyên truyền và vận động thanh niên trong độ tuổi lao động sang làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong 4 tháng đầu năm 2024 đã có 16 lao động sang làm việc ở thị trường các nước hàn Quốc, Nhật Bản...

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện, Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành đoàn thể xã xác định vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và trách nhiệm của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể và sự quyết tâm, hưởng ứng vào cuộc của nhân. Trong lãnh đạo, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, đi đôi với việc kiểm tra, giám sát; Khẳng định vai trò chủ thể của nhân dân trong công tác giảm nghèo bền vững theo khẩu hiệu “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; Vận động cả hệ thống chính trị tập chung tuyên truyền cho toàn dân thức rõ hơn về công tác vận động tuyên truyền giảm nghèo bền vững tập trung vào khuyến khích, tôn vinh.

Với những nỗ lực, quyết tâm của Cấp ủy Đảng, chính quyền và cả hệ thống chính trị, bà con nhân dân. Sự quan tâm hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia GNBV đã đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế- xã hội, hỗ trợ nguồn vốn cho nhân dân đầu tư phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm....Đối chiếu với 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới. Xã Điện Hương đã hoàn thành 19/19 tiêu chí, đạt 100% và được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã Điện Hương đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 tại Quyết định 1787/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2023.

3. Một số bài học kinh nghiệm trong thực hiện Chương trình, công tác giảm nghèo của địa phương góp phần đưa xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nhằm tiếp tục duy trì và làm tốt công tác giảm nghèo đối với xã được công nhận xã đạt chuẩn NTM. Trước hết cần phát huy vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng, quản lý điều hành của chính quyền, sự đoàn kết tập hợp của UBMTTQ và các ngành đoàn thể chính trị xã hội, nêu cao tinh thần, trách nhiệm của BCD giảm nghèo và nhất là vai trò trách nhiệm của cộng đồng dân cư trên địa bàn. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, làm tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân, tạo sự đồng thuận trong cán bộ,

đảng viên và toàn thể nhân dân trên địa bàn, thúc đẩy nhân dân tích cực thi đua phấn đấu phát triển kinh tế làm giàu và làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo.

1. *Thứ nhất là:* Thường xuyên sáng tạo đổi mới phương pháp điều hành thực hiện linh hoạt trong xử lý những vướng mắc, khó khăn trong công tác dân vận, vận động quần chúng mạnh dạn phát triển kinh tế, chuyển đổi các loại cây trồng mới, áp dụng khoa học kỹ thuật mới và con giống mới vào sản xuất; hàng năm có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ xã và thôn bản, tập huấn cho nhân dân.

2. *Thứ hai là:* Phân công nhiệm vụ từ cấp ủy, chính quyền; BCD giảm nghèo xã phụ trách từng thôn, từng hộ nghèo; xây dựng kế hoạch và định hướng cho từng thôn bản; hộ gia đình nghèo để cụ thể hóa việc thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo tại xã phải bám sát vào các chương trình, dự án; đề án, đặc điểm lợi thế và nhu cầu thiết thực điều kiện khí hậu, thời tiết phù hợp với thực tế của địa phương (giảm nghèo theo địa chỉ).

3. *Thứ ba là:* Thường xuyên giao ban quán triệt kịp thời để nắm bắt mọi tình hình, tâm tư nguyện vọng của các hộ nghèo, cận nghèo, hộ trung bình có khả năng rủi ro rơi xuống hộ nghèo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, lấy tinh thần thi đua, cạnh tranh làm phương châm chủ đạo trong cuộc vận động giảm nghèo bền vững tại xã điển hình như phong trào “Dòng họ không có hộ nghèo”; Động viên, khuyến khích biểu dương, nêu gương những tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình, thực hiện có hiệu quả về công tác giảm nghèo.

4. *Thứ tư là:* Phát huy tinh thần dân chủ của nhân dân, quán triệt sâu sắc phương châm: “*cho cái cần chứ không cho con cá*”; Phương châm: “*nhà nước và nhân dân cùng làm*” phải quán triệt sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân để tạo sự đồng thuận cao nhất trong mọi lĩnh vực phát triển kinh tế, văn hóa xã hội.

5. *Thứ năm là:* Tiếp tục có các cơ chế chính sách, các chương trình, dự án, hỗ trợ đầu tư các nguồn kinh phí của Nhà nước cho xã xây dựng nâng cấp các công trình phúc lợi như Đường Giao thông; Điện thấp sáng; cơ sở vật chất trường học; Kênh mương; thủy lợi, hỗ trợ cây, con giống; hỗ trợ phương tiện nghe nhìn, mạng internet... và có chính sách khuyến khích, huy động các nguồn lực trong cộng đồng dân cư và các tổ chức để chung tay góp sức thực hiện công tác giảm nghèo một cách đồng bộ, sớm hoàn thành mục tiêu xã nông thôn mới nâng cao, góp phần xây dựng huyện Phong Điền trở thành Thị xã.

6. *Thứ sáu là:* Mọi chương trình, kế hoạch hoạt động giảm nghèo phải xuất phát từ nhu cầu, tình hình thực tế và thế mạnh của từng địa phương để gắn chặt với các tiêu chí xây dựng NTM cấp xã, thôn và toàn dân một cách thiết thực và khả thi. Lựa chọn những nội dung mà người dân cần và phục vụ trực tiếp, sát thực đến sản xuất, đời sống của người dân để ưu tiên chỉ đạo thực hiện. Chú trọng thực hiện các tiêu chí nâng cao thu nhập, giảm nghèo, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, an toàn xã hội để tạo điểm nhấn, bước đột phá. Triển khai, xây dựng mô hình thôn NTM kiểu mẫu...

Trên đây là báo cáo tham luận tại Hội nghị sơ kết giữa kỳ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của UBND xã Điền Hương.

**NHỮNG GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ PHONG TRÀO THI ĐUA
“VÌ NGƯỜI NGHÈO-KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU” GÓP PHẦN
THỰC HIỆN THÀNH CÔNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO TẠI ĐỊA PHƯƠNG**
Ủy ban nhân dân xã Hồng Thượng

Hồng Thượng là một trong xã biên giới nằm phía Tây nam của huyện A Lưới, phía Bắc giáp với xã Sơn Thủy, phía Nam giáp với xã Hương Phong, phía Đông giáp xã Phú Vinh, phía Tây bắc giáp với xã Hồng Thái và phía Tây giáp với nước bạn Lào. Tổng diện tích tự nhiên là 4.022,09 ha trong đó đất sản xuất nông nghiệp 3.505,26 ha; đất lâm nghiệp 3.221,84 ha; đất nuôi trồng thủy sản 13,85 ha; đất phi nông nghiệp khác 515,15 ha; đất ở 31,29 ha; đất chuyên dùng 386,50ha; đất chưa sử dụng 1,67 ha. Đến thời điểm hiện nay xã Hồng Thượng có tổng số hộ dân 822 hộ với 3.019 nhân khẩu trong đó 700 hộ dân tộc thiểu số với 2.564 nhân khẩu (dân tộc Kinh 122 hộ/455 khẩu, dân tộc Pa cô 532 hộ/1.968 khẩu, dân tộc Tà ôi 140 hộ/490 khẩu, dân tộc Ka tu 27 hộ/89 khẩu, dân tộc khác 1 hộ/ 17 khẩu), chia thành 7 thôn, phần lớn nhân dân sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao so với mặt bằng chung của huyện, toàn xã có 113 hộ nghèo, chiếm 13,83% (hộ nghèo DTTS 102 hộ chiếm 90,26%); 132 hộ cận nghèo, chiếm 24,17% (hộ cận nghèo DTTS 125 hộ chiếm 94,69%).

- Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” trên địa bàn xã nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn tạo thành phong trào thi đua rộng khắp trên địa bàn.

- Xác định mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kịp thời đề ra những biện pháp, giải pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Cùng với các cơ chế, chính sách giảm nghèo bền vững do Đảng và Nhà nước ban hành, Chương trình giảm nghèo bền vững đã thu hút được sự quan tâm, hỗ trợ của doanh nghiệp, các tổ chức và sự vào cuộc của các tầng lớp nhân dân. Các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn xã đã có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân đã từng bước được cải thiện.

- Trong những năm qua, công tác giảm nghèo, tạo việc làm và chính sách an sinh xã hội luôn được UBND xã quan tâm chỉ đạo thực hiện. Huy động, sử dụng tốt các nguồn lực hỗ trợ cho giảm nghèo, lồng ghép hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả quan trọng, kết quả giảm nghèo đều đạt được các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ đã đề ra. Cụ thể năm 2022 từ 35,04% đến năm giảm còn 13,83%, đã giảm được 168 hộ nghèo (bình quân giảm 7,07% hộ nghèo/năm; thúc đẩy kinh tế xã nhà tăng, thu nhập bình quân đầu người đạt 30,41 triệu đồng/người/năm.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng còn một số khó khăn, hạn chế như: Kết quả giảm nghèo tuy đạt chỉ tiêu đề ra nhưng chưa bền vững. Các chương trình, dự án giảm nghèo triển khai chưa đồng bộ; nguồn lực cho giảm nghèo chưa đáp ứng được yêu cầu và còn phân tán; việc phối hợp tổ chức chỉ đạo thực hiện giữa các ngành hiệu quả chưa cao. Công tác chỉ đạo thực hiện mục tiêu giảm nghèo ở một số thôn chưa quyết liệt; một bộ phận người dân còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa có ý thức phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

Để thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác giảm nghèo trên địa bàn xã, đặc biệt là hiệu quả từ triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau” góp phần thực hiện thành công công tác giảm nghèo tại địa phương”, chính quyền địa phương đã thực hiện một số giải pháp như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 210/KH-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của UBND huyện về tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Vì Người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021-2025. Hưởng ứng phong trào thi đua và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn từng ngành xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Phong trào thi đua gắn với việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và thi đua xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện có hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn tiêu biểu như: Hội Nông dân phát động phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; Hội Liên hiệp Phụ nữ với phong trào “Vận động, hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường”; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với phong trào “Thanh niên tình nguyện” phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo” phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ tổ quốc”; Hội Cựu chiến binh tỉnh với phong trào “Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo, làm kinh tế giỏi” phong trào “hội viên cựu chiến binh gương mẫu”; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tích cực triển khai Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp với các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia hưởng ứng phong trào thi đua gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

Các tổ chức đoàn thể đã chủ động phối hợp với các ngành tập huấn khuyến nông và chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất cho các hội viên, hộ gia đình, góp phần giúp các hội viên, hộ gia đình phát triển sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao, góp phần thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững. Phong trào thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết, giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững đã xuất hiện nhiều hội viên, hộ gia đình điển hình trong sản xuất, kinh doanh giỏi được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng.

Để thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo, địa phương đã triển khai nhiều nhóm biện pháp mang lại kết quả trong công tác giảm nghèo như: Chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; chính sách hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ đào tạo nghề, trợ giúp pháp lý cho người nghèo, hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ tiền điện; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất ...

Với sự vào cuộc quyết liệt của cấp ủy chính quyền địa phương, từ năm 2021 đến nay, toàn xã đã tổ chức trên 15 hội nghị tư vấn, định hướng, giới thiệu việc làm

cho hơn 500 người. Ước trong 3 năm từ 2021 đến 2023 giải quyết việc làm cho 400 lao động, trong đó làm việc tại địa phương trên 100 người; đi làm việc ngoài tỉnh trên 250 người và xuất khẩu lao động 07 người.

Trong lĩnh vực Y tế, 100% hộ nghèo được cấp thẻ BHYT, vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện đạt trên 98%

Thực hiện chính sách tín dụng hộ nghèo, Ngân hàng Chính sách xã hội tiếp tục thực hiện cho vay 13 chương trình tín dụng cho hộ nghèo và hộ chính sách. Số dư nợ đến ngày 17/3/2024 là 638 hộ/1.066 lượt vay với tổng dư nợ là: 34.207.954.000 đồng.

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Hồng Thượng đã triển khai nhiều chương trình, cách làm sáng tạo để cụ thể hóa phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”. Trong đó, điển hình là Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở cho người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo khó khăn về nhà ở và Chương trình cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế vườn hộ, tạo sinh kế cho người dân. Là chương trình lớn, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở được các cơ quan, ban, ngành, địa phương và người dân tham gia tích cực. của Sau 3 năm, toàn xã đã hỗ trợ xây dựng được 166 ngôi nhà với tổng kinh phí huy động được trên 6 tỷ đồng. Chương trình đã giúp cho hàng nghìn gia đình người có công, cựu chiến binh nghèo, hộ nghèo có ngôi nhà kiên cố để ở, yên tâm lao động, sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống ngày càng ấm no.

Những biện pháp trên đã mang lại kết quả tích cực, tỷ lệ hộ nghèo năm 2023 giảm 7,19%, tương đương 54 hộ đạt 112,5% so với kế hoạch. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đầy đủ, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Tổ chức thực hiện tốt chính sách bảo đảm an sinh xã hội đối với người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Năm 2023 UBND xã đã tổ chức các đoàn thăm hỏi, tặng quà, chúc tết các đối tượng chính sách, người có công, hộ nghèo, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với tổng kinh phí trên 700 triệu đồng.

Cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” luôn được các ban ngành và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng và ủng hộ nhiệt tình. Kết quả năm trong 2 năm đã vận động được 28.912.000 đồng, số tiền trên đã hỗ trợ 44 suất quà tết cho người nghèo; trợ giúp 46 học sinh nghèo đi học; hỗ trợ thăm hỏi ốm đau 12 đối tượng... Tiếp tục quan tâm thực hiện tốt công tác hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo được hưởng các quyền lợi và giúp đỡ hộ gia đình nghèo thoát nghèo, thực hiện tốt phương châm “không để hộ nghèo, hộ chính sách khó khăn nào mà không có tổ chức hỗ trợ”, đặc biệt không để hộ nào rơi vào hoàn cảnh cùng cực mà không có tổ chức nào phát hiện, giúp đỡ, góp phần thực hiện phong trào “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh đó, các thôn khu dân cư đoàn kết, tích cực tham gia hưởng ứng các Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới và giúp nhau giảm nghèo, vươn lên làm giàu, ổn định cuộc sống; các hộ gia đình chủ động vượt khó vươn lên thoát nghèo và giúp đỡ các cá nhân, hộ gia đình khác sản xuất kinh doanh, làm kinh tế, vươn lên thoát nghèo bền vững, không tái nghèo.

Trên đây là báo cáo tham luận “Những giải pháp thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Vì người nghèo-Không để ai bị bỏ lại phía sau” góp phần thực hiện

thành công công tác giảm nghèo tại địa phương” của UBND xã Hồng Thượng. Một lần nữa xin chúc Ban Tổ chức hội nghị, quý vị khách quý và toàn thể đại biểu dự hội nghị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt, chúc hội nghị thành công tốt đẹp.